

SỐ 1803

LỜI TỰA KHẮC BẢN KINH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI SỐ

Thuở xưa, Tam tạng Phật-đà-ba-lợi vượt qua vùng sa mạc xa xôi, đến lễ bậc Đại Thánh Văn-thù ở núi Ngũ Đài, được Ngài chỉ dạy, trở lại Tây Vực mang kinh này về, cho nên phương tiện cứu giúp ở phương Đông không gì hơn kinh này. Trước có năm bản dịch, mà chưa có người dịch nào giải thích rõ về ý thú mâu nhiệm. Tôn giả Pháp Sùng chùa Thiên Phước, từng ở dưới cửa Tam tạng Bát không, Đại thừa giáo Tiểu thừa và bí mật tạng, tất cả đều quán suốt, Ngài bèn soạn số này, ấy là thể. Lấy Sự trong các kinh điển, đoạn mục nhất lý, là bí mật diệt họa tiêu ương, là pháp diệu làm sống lâu tăng thọ, thêm thắm nhuần công năng của thần chú, thể nhập được lợi ích dứt bỏ bụi trần, vào đây ra kia, dùng cạn mà làm sâu, thật đúng được ý kinh. Ngài Cơ Công ở Nam Sơn lấy làm tiếc bởi ở đời rất ít người có bản số này, Đinh Ngự Lỗ sửa chữa chỗ sai lầm, cho khắc bản để truyền hóa trong nước. Gần đây có một người bình thường, mạn phép lược bớt những từ rườm rà trong số văn, như cắt bỏ phần rách nát, nối bằng gấm Tứ Xuyên, tìm hạt châu trong cát đá, nay đã thấy trọn vẹn hạt châu và tấm gấm, chính là Cơ Công ban cho. Tôi cho rằng người đời thích điều mới mà bỏ cái cũ thì gặp số này rất vui mừng, cho nên kể lại sự việc để khuyên bảo người đời sau.

An Vĩnh, tháng giêng năm Kỷ Hợi.

Sa Môn Trí Huy kính soạn.

Đại Tông Duệ Văn Vũ Hiếu Bảo Ứng Nguyên Thánh hoàng đế ra lệnh tăng ni trong nước tụng chân ngôn Tôn Thắng, ban sắc cho trong kinh thành tu công đức, sai Lý Nguyên Tông thỉnh tăng ni trong nước

tụng kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni, trong một tháng hằng ngày phải tụng cho thuộc, mỗi ngày tụng hai mươi mốt biến, mỗi năm đến ngày mừng một tháng giêng, chúc mừng số biến tụng đủ dâng lên.

Ngày mồng tám tháng hai niên hiệu Đại Lịch năm thứ nhất, nội yết giả giám, Lý hiến Thành tuyên cáo. Sa môn Thừa Như v.v... giảng nói. Vào ngày mười bảy tháng này, kính Vãng Trung Thư môn hạ sắc điệp, khiến tăng ni trong nước đều tụng Đà-la-ni Tôn Thắng, từ Chiếu vua ban, vui mừng vô hạn. Thừa Như nghe rằng: Mây lành che khắp, ba thứ cỏ đều thối nhuần; ân đức của nhà Vua ban bố ra thì muôn vật đều được hưởng. Lại nguyện, “Bệ hạ” thối nhuần bí ấn thanh tịnh, hiệp diệu môn cam lộ, mở bày Phật đảnh, dùng tâm từ của Như-lai; chấm dứt tai họa cho con người, thực hành việc của Thiên-đế. Cả nước phúng tụng, âm vang hòa cùng gió tuyết, bất cứ hạng nào được nghe thì mọi điều xấu đều tan biến. Và chẳng những chỉ giữ gìn sửa sang chốn chùa viện mà còn gạn lọc cả thân tâm. Đối với công việc lớn lao này là nhờ vào ân đức của Hoàng Đế, do đó tôi đến cửa Ngâm Đài hữu, dâng biểu trình bày những điều thấy nghe. Sa-môn Thừa Như v.v... vui mừng kính nói ra.

Ngày hai mươi hai tháng hai niên hiệu Đại Lịch năm thứ mười một, tại kinh thành, chúng đệ tử họ Thích, chùa Đại An quốc, Thượng tọa nội ngoại lâm đàn, Đại đức Thừa Như v.v... dâng bài văn giải bày.

Sắc phê: Thần lực của chân ngôn Phật Đảnh có khả năng cứu độ cùng khắp. Nếu thọ trì thanh tịnh cẩn mật thì linh nghiệm vô cùng, nếu vui mừng tụng tập rộng rãi thì cứu giúp tất cả chúng sinh. Các Sư đứng đầu chốn chùa viện vui vẻ thỏa thích, nên bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc. Sa-môn Tuệ Lãng v.v... nói rằng, nhờ được ân vua ban bố khiến tăng ni trong nước trì tụng chân ngôn Phật Đảnh Tôn Thắng, đó là tâm mắt của các Đức Phật, là cầu bến của các loài chúng sinh, chúng tôi thọ nhận sự phú chúc của Đức Phật, tuyên bày giáo pháp hóa độ. Tuệ Lãng này được dự vào hàng ngũ xuất gia, lại nhờ ơn hầu gần, đem lòng thành thật, vui mừng, cúi mong Bệ hạ việc làm hợp với Thánh từ, kẻ sống người chết đều được lợi lạc, đến bờ vực Nhân Thọ chỉ ở một lời, đưa sự tốt lành đến khắp mọi nơi khiến cả muôn nước đều yên tĩnh, quỷ thần sông núi đều được an ổn, chim thú, cá ba ba, tất cả đều được sự lợi ích. Người tu thì có con đường để đi tới, người ở đời đều có nét đẹp để noi. Cho nên Bệ hạ ân vượt hơn thiên hạ thêm noi chí Đạo làm dụng, đâu lại lấy việc làm thường ngày của ngu tăng để biết ư. Với ân sinh thành là sâu dày, ân đức chỉ dạy là báo đáp bậc nào. Cẩn phụ trung sử Nguyên ứng Kim

dâng biểu trình bày sự thấy nghe, thật vui thật mừng kính ghi.

Ngày hai mươi ba tháng hai niên hiệu Đại Lịch năm thứ mười một, chùa Hưng Thiện ở Kinh Đại, Trấn quốc Văn-thù nội các viện cung phụng tặng ca sa mâu tía, sa-môn Tuệ Lãng v.v... viết lời giải bày.

Sắc phê. Thần lực của chân ngôn Phật Đản che chở cùng khắp, lợi lạc cho tất cả loài hàm linh. Công đức trì tụng, xin dâng biểu tạ ơn.

SỐ 1803

PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH GIÁO TÍCH NGHĨA KÝ

Sa-môn Pháp Sùng chùa Thiên Phước, ở Thượng Đò soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Kính nghe, con đường nhiệm mầu bất động, lý có ra từ hữu vô, Chỗ Chí Đạo hiểm hoi vượt ngoài sự thấy nghe, như con đường tối tăm lâu ngày nhờ vào đuốc tuệ để xua tan bóng tối, biển khổ mênh mông nhờ thuyền từ mà được cứu vớt. Cho nên biết, thế giới Tam thiên đều tiêm nhiễm bến bờ hữu lậu, trăm ức các vị trời mong ra khỏi cảnh vô minh. Từ khi có thiên tử tên là Thiện Trụ, quả ba quy mãn, nhân mười thiện tròn, gửi tinh thần vào trong cung điện tốt đẹp, dẫu sống trong vườn hoa báu, sáng hưởng niềm vui đến ngàn năm vẫn chưa cùng, đêm nghe tiếng trên hình không báo tai ương bảy ngày đã gần kề. Sắp nguy đến tánh mạng, bèn kinh sợ và đến đánh lễ Đức Thế tôn Hỷ Kiến, kể lại sự lo sợ ấy, cúi xuống ao báu để cầu mong, trông lên thỉnh Đức Kim Sơn cứu con. Đức Thế tôn đại từ bi cứu vật mở đạo lợi sinh, Ngài liền mỉm cười, trên đảnh phát ra ánh sáng, pháp nhiệm mầu để diệt họa tiêu ương bắt đầu khai mở, phương thuốc hay để sống lâu, thêm thọ nhờ đây được mở mang. Thiện Trụ nhờ ân, trong sáu ngày mà phát lời khuyên ít có, ở nơi cung báu mà khen ngợi đức hạnh, chúc mừng được toàn thân mạng, rải vàng trên đất để báo ân, lại vui mừng được xoa đảnh. Đề kinh tên là Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni, bởi tên chung của bộ này, cũng chính là đề mục riêng của kinh này. Văn kinh tuy đơn giản sơ lược mà lý sâu xa, công năng sâu mà lợi ích lớn lao, xương cốt thấm nhuần thần

chú mà quả vui sẽ được ở cõi trời. Thế không dính bụi trần mà khổ báo địa ngục chấm dứt. Cho nên, khiến Ma-ni tịnh bảo giống như diệu lực ở hoa biên; Vàng Diêm-phù-đàn thân có công ở diệp kê.

Trước tiên là xưng danh hiệu Phật; mở đầu là nêu danh hiệu đấng Lương Túc Tôn, kế là nói chân ngôn, mới kể tướng quý của một thân. Tôn lấy sự cao xa mà nói nhằm nói về sự cao xa của giáo thể; thặng lấy sự chí diệu mà có tên gọi, biểu hiện sự chí diệu của tâm Phật. Đà-la-ni là tiếng Phạn, Hán dịch là Tổng Trì, bao gồm bốn nghĩa sâu kín của tông, gồm chung ý chỉ của một kinh. Kinh là thường, cũng gọi là chuyển, các vị Thánh đồng như số cát của tám mươi tám sông Hằng đồng giảng nói, gọi chung là thường, ba mươi ba loại các vị trời cùng truyền bá, tên khác là chuyển, do nghĩa này nên gọi là kinh Phật Đản Tôn Thắng Đà-là-ni.

Nay giải thích kinh này, lược dùng mười môn để phân biệt.

Thứ nhất giải thích vị Giáo chủ, thứ hai là dùng xứ để biểu thị sự, thứ ba là nói giáo pháp bao trùm các căn cơ, thứ tư là thấy thân đồng và khác, thứ năm là nêu ra tông thể của kinh, thứ sáu là nghi quỹ nghe pháp, thứ bảy thấy nghe được lợi ích, thứ tám là giải thích đề mục kinh, thứ chín là thời gian phiên dịch, thứ mười y văn giải thích.

* *Thứ nhất là giải thích vị Giáo chủ:* luận Đại Trí Độ có năm hạng người nói kinh: Một là Phật nói, hai là các Thánh đệ tử nói, ba là các vị trời nói, bốn là thần tiên nói, năm là người biến hóa nói. Nay trong kinh này chỉ có bốn thứ, không có thần tiên nói, được Phật ấn khả, đều gọi là kinh. Đã giải thích xong phần thứ nhất.

* *Thứ hai là dùng xứ để biểu thị sự:* Lại chia làm ba thứ, một là dùng cõi nước biểu thị sự, hai là dùng rừng để biểu thị sự, ba là dùng vườn để biểu thị sự. Dùng cõi nước để biểu thị sự, tức là nước Thất-la-phiệt, dịch là ngôi thành tên Danh Văn, là ngôi thành do vua Thắng Quân trị vì ở giữa nước Thiên-trúc, để biểu thị cho Như-lai vượt hẳn ba cõi, lìa bỏ Nhị thừa, thương xót bốn loài, thân tròn đầy muôn đức. Dùng rừng để biểu thị sự, tức là rừng Thệ-đa, Hán dịch là rừng Tối Thắng, đây là khu rừng do Thái tử Chiến Thắng cúng dường, biểu thị cho rừng Pháp bảy giác chi của Như-lai, che chở tất cả. Dùng vườn biểu thị sự, tức là vườn của Trưởng giả Cấp Cô Độc, đây là khu vườn do Trưởng giả Tu-đạt cúng dường, biểu thị Như-lai có vô lượng pháp bố thí cho tất cả chúng sinh nghèo thiếu, đây là giải thích xong phần thứ hai.

* *Thứ ba là nói lên giáo pháp bao trùm các căn cơ:* Giáo môn là một mà chỗ học có ba, cho nên luận Đại Trí Độ chép: Ba con thú là

thỏ, ngựa, voi cùng bơi qua sông mà thấy có sâu cạn khác nhau, như kinh Pháp Hoa chép: Ba người con cùng ra một cửa mà sự ưa thích đều khác nhau. Phật dạy: Nếu ta dùng pháp Tiểu thừa mà giáo hóa các chúng sinh, thì ta bị rơi vào lỗi san tham. Lại nữa, kinh Duy-ma chép: Đức Phật dùng một âm thanh nói pháp, chúng sinh tùy loài mà hiểu, thượng trí, trung trí, hạ trí mỗi người quán sát có khác nhau. Bậc hạ trí thì quán Bồ-đề của Thanh văn, bậc trung trí thì quán Bồ-đề của Duyên giác, bậc thượng trí thì quán Bồ-đề của chư Phật. Đây là giải thích xong phần ba.

* *Thứ tư thấy thân đồng và khác:* Như Đại Phạm Vương thấy thân Phật cao ngàn thước, lại như Bồ-tát Ưng Trì thấy thân Phật cao tượng sáu, đi qua vô số thế giới đến cõi Phật Hoa Thượng, lại thấy thân Như-lai cao một tượng sáu. Kinh Báo Ân chép: Ngoại đạo thấy Phật tưởng như trẻ thơ, Thanh Văn chỉ thấy thân tượng sáu, Bồ-tát thấy thân Phật cao vô biên, các Đức Phật thấy thân pháp tánh. Cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: Thí như mặt trăng tròn sáng, chỗ nào có nước đều hiện bóng, hình tượng có vô lượng mà bản chất chẳng hề khác nhau. Pháp của các Đức Phật cũng vậy, tùy theo cơ cảm mà hiện các hình tượng, hóa tượng tuy vô lượng mà pháp thể chẳng hề khác nhau. Đây là nói xong phần thứ tư.

* *Thứ năm là nêu lên tông thể của kinh:* Ngoại đạo, Tiểu thừa mỗi thứ khác nhau, như Kinh Niết-bàn thì tông thứ là Phật tánh, kinh Đại Bát-nhã dùng tuệ không làm tông, Kinh Duy-ma dùng bất tư nghị làm tông, kinh Đại Tập tông thứ là Đà-la-ni, nay kinh này tông thứ cũng là Đà-la-ni, thể của kinh là tất cả pháp, cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: Tất cả các cảnh Phật trên thế gian, đều có thể khiến quay bánh xe pháp, đối với các pháp tự tại không bị trói buộc, đó là trí chân thật của Như-lai. Lại nữa, kệ kinh nói: giáo thể có hai thứ, một giáo thể là văn, hai là giáo thể là nghĩa, đây đã nói xong phần thứ năm.

* *Thứ sáu là nghi quỹ nghe pháp, Kinh Đại Tập chép:* Người nói pháp có ba thứ nghĩ tưởng: Một nghĩ làm thầy thuốc, hai là nghĩ cứu bệnh, ba là nghĩ cứu khổ. Người nghe pháp cũng có ba thứ nghĩ tưởng, một nghĩ pháp là cam lộ, hai nghĩ pháp là đề hồ, ba nghĩ pháp là chữa bệnh. Lại nữa, luận Trí Độ chép: Người nghe pháp nhất tâm nhìn thẳng, như khát nghĩ đến nước, như đói nghĩ thức ăn, vui mừng mà nghe pháp. Lại nói: Nghe pháp có ba thứ, một là cung kính cúng dường, hai là thọ trì đọc tụng, ba là nhất tâm suy nghĩ. Thứ nhất cung kính cúng dường, là thân nghiệp khéo sinh văn tuệ, được ba thứ phước, đó là sống lâu

đầy đủ tướng người, giàu có nhiều cửa báu, và hóa sinh trong hoa sen. Thứ hai thọ trì đọc tụng, là khẩu nghiệp khéo sinh tư tuệ, được bốn thứ phước, ấy là lời nói ra mọi người đều kính tin lời nói ra mọi người đều vâng theo, quyến thuộc sum vầy, và không bị chê bai. Thứ ba là nhất tâm suy nghĩ, là ý nghiệp khéo sinh tu tuệ, được ba thứ phước, đó là cơm ăn áo mặc tự nhiên có, thân thể xinh đẹp và có trí tuệ rộng lớn, đây là nói xong phần thứ sáu.

* *Thứ bảy thấy nghe được lợi ích*: Có hai: Thấy nghe được lợi ích, và không thấy không nghe không được lợi ích.

- Thấy nghe được lợi ích, như kinh Niết-bàn chép: Nếu có người thiện nam, người thiện nữ nghe kinh Đại thừa thì trong trăm ức ngàn kiếp không rơi vào ba đường và tám nạn. Lại nữa, Kinh Niết-bàn chép: Gieo trồng gốc lành với một hằng hà sa các Đức Phật, mới được tạm nghe kinh Đại thừa thì hai hằng hà sa các Đức Phật gieo trồng gốc lành, được nghe kinh Đại thừa mà không sinh chê bai, gieo trồng gốc lành với ba hằng hà sa các Đức Phật, nếu vui mừng lễ bái thì gieo trồng gốc lành với bốn hằng hà sa các Đức Phật, biên chép truyền bá thì gieo trồng gốc lành với năm hằng hà sa các Đức Phật, có khả năng thọ trì đọc tụng, cho nên biết rõ rất khó gặp được kinh Đại thừa. Lại nữa, đoạn văn sau kinh này có nói: Như có người trong giây lát được nghe Đà-la-ni này, sẽ tiêu diệt được nghiệp ác đã gây ra trong ngàn kiếp đến nay, không còn rơi vào đường ác, sẽ sinh về cõi nước của các Đức Phật. Kinh Niết-bàn chép: Dù cho có người mở kho của vua bố thí trong một ngày, công đức có được là vô lượng vô biên, nhưng không bằng người miệng khen ngợi công đức Phật, hưởng chi là được nghe kinh sách Đại thừa. Kinh Đề-vị chép: Không kể nghe pháp, chỉ cần bước chân vào chùa tức đã được năm công đức, một là xinh đẹp, bởi thấy ba ngôi báu tâm sinh vui mừng, hai là có tiếng tốt, bởi vì niệm Phật, ba là sinh lên cõi trời, vì không còn nghiệp ác, bốn là tôn quý, bởi lễ bái tất cả ba ngôi báu, năm là chứng Niết-bàn, bởi phước hữu dư.

Không thấy không nghe không được lợi ích, gồm có bảy hạng:

1. Chúng sinh gây ra việc ác.
2. Chúng sinh thọ hưởng điều vui.
3. Chúng sinh trong địa ngục.
4. Chúng sinh trong loài ngạ quỷ.
5. Chúng sinh trong loài súc sinh.
6. Chúng sinh bệnh hạn.
7. Chúng sinh đi xa.

1. Chúng sinh gây ra điều ác, bởi ưa gây ra mười điều ác, năm tội nghịch nên không được nghe kinh.

2. Chúng sinh thọ hưởng điều vui, như người sống trong sự giàu sang, áo bằng gấm lụa, thức ăn toàn là rượu thịt, như ở cõi trời các vị trời tham đắm áo ba cân, tham hưởng vui sướng năm món dục, mà không được nghe kinh.

3. Chúng sinh trong địa ngục, bởi tám địa ngục còn có mười sáu địa ngục phụ, tất cả đều có núi đao và rừng kiếm, lửa dữ đốt thân, bánh xe dao bay vào thân phải chịu khổ, nên không được nghe kinh.

4. Chúng sinh trong loài ngựa quý. 5. Chúng sinh trong loài súc sinh. 6. Chúng sinh bệnh hoạn. 7. Chúng sinh đi xa. Bốn loài này giải thích theo ý nghĩa.

** Thứ tám là giải thích đề mục, gồm có ba thứ.*

Một: tên là Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni; Hai: Tên là Diên thọ; Ba: Tên là Thiện Cát Tường. Phật là danh hiệu của người đã tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn, nên gọi là Phật. Đảnh là chỗ cao nhất của thân nên gọi là Đảnh. Tôn là chỗ quý trọng của các Như-lai ba đời, thắng là chỗ mà hàng Nhị thừa không bằng được. Đà-la-ni, Hán dịch là Tổng trì, Tổng trì gồm có bốn nghĩa: Một là pháp Đà-la-ni, là nghe giáo pháp của Phật liền giữ gìn không quên. Hai là nghĩa Đà-la-ni, đối với ý nghĩa các pháp thì nhớ lấy không quên, ba là chú Đà-la-ni đối với những câu chú của các Đức Phật, Bồ-tát đều nhớ tất cả, bốn là nhãn Đà-la-ni, đối với tướng thật của các pháp phải nhãn nhục, an trụ cho thân tâm khỏi xao động, Vì thế gọi là Đà-la-ni Phật Đảnh Tôn Thắng.

** Thứ chín thời gian, phiên dịch:* phía Tây nam có nước tên là Kế-tân, có Bà-la-môn tên là Phật-đà-ba-lợi, sinh vào thời Mạt pháp không gặp được Phật, nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đang ở núi Ngũ Đài, nói Kinh Hoa Nghiêm cho các Bồ-tát nghe, liền mang tích trượng và y bát từ Thiên-trúc đến Trung Quốc. Vào niên hiệu Nghi Phụng năm đầu thì Sư đến núi Ngũ Đài, thấy mây đen mù mịt, sương trắng giăng kín, không biết đường đi, bèn thành tâm đảnh lễ quy y, trong giây lát thì mây lặn sương tan, bầu trời sáng sủa không chút mây mù, lại tiến về phía trước hơn mười dặm, bèn thấy ngọn núi cao vót, đảnh núi gần sát với trời xanh, trong lòng kính ngưỡng, gắng sức từ từ leo lên, khoảng hơn năm dặm bỗng thấy ánh mây đẹp như lọng báu, bèn buồn bã rơi lệ, chấp tay than rằng: Người là người phàm, Thánh là đại Thánh, nếu chẳng phải Bồ-tát thẩm che chở, làm sao thấy được cảnh này. Chưa kịp ngẩng đầu lên thì bỗng thấy một cụ già tóc bạc mặc áo trắng, hình nghi đĩnh đạc,

bảo Phật-bà-ba-lợi rằng: Đại đức ! Từ xa đến thật quá gian khổ.

Ba-lợi thưa: Vì đến lễ bái ngài Văn-thù, đâu nệ gian khổ.

Cụ già nói: Chúng sinh cõi này gây ra tội lỗi rất nhiều, ít có người tu phước, khi chết rồi đọa vào địa ngục nhiều vô lượng vô biên, còn được sinh về các cõi tịnh độ, thì trong muôn người chỉ có một. Có kinh tên là Tôn Thắng Đà-la-ni, có năng lực cứu chúng sinh cõi này, chẳng biết Đại đức mang kinh đến được không, Phật-đà-ba-lợi đáp: Chỉ toàn kinh luận, không mang một thứ gì khác, nhưng vì muốn lễ bái ngài Văn-thù cho nên đến đây.

Cụ già nói: Đại đức hãy trở về Tây Vực dùng kinh này rộng làm lợi ích cho chúng sinh, mở cửa cõi trời, cứu khổ địa ngục, sau này gặp lại sẽ chỉ Văn-thù cho Đại đức, nay dù gặp cũng chưa chắc là biết. Cụ già nói vừa xong thì biến mất. Bấy giờ, Phật-đà-ba-lợi buồn bã áo não như cha mẹ mất, bèn đi về Tây Vực, trải qua mấy lần mưa nắng, vượt qua chín muôn dặm, cả đi lẫn về hơn mười năm, đến niên hiệu Vĩnh Thuần năm thứ hai thì đến kinh đô Đại Đường, dâng tiến bản chữ Phạm vào cung, và kể lại sự việc cùng sự ủy thác của cụ già. Vua bèn sai quan Hữu ty ban ba mươi xấp lụa. Bấy giờ, ở tại nước Thiên-trúc có vị Tam tạng dịch kinh tên là Địa-bà-ha-la, Hán dịch là Nhật Chiếu, vua sai thỉnh vị Pháp sư này và các vị dịch kinh trong cung, chỉ truyền bá ở trong cung không cho bên ngoài biết. Ba-lợi bèn nghĩ: Công năng của kinh này chúng sinh đều được quyền thắm nhuần, đâu chỉ nhà vua có chỗ nương dựa, còn trăm họ thì không. So với lời ủy thác đâu mất mạng cũng không nề khổ nhọc, mong mọi người và trời có phước vui lợi lạc, thế rồi dâng biểu xin vua cho truyền bá. Hoàng thượng thương cảm lòng chân thành bèn đồng ý, bèn ra lệnh cho truyền bá. Đã thỏa nguyện bốn hoài, sư cảm thấy vui buồn lẫn lộn, nhưng vẫn kinh chưa giải thích cú nghĩa, nếu không dịch lại làm sao dạy cho người sau. Sa-môn Thuận Trinh là vị tăng chùa Tây Minh rất giỏi tiếng Phạm, bèn giải thích rộng văn kinh, cùng với Tam tạng nước Kế-tân phiên dịch tại chùa Tây Minh, tức Tam tạng Nhật Chiếu dịch ở trước, Pháp sư Ba-lợi dịch ở sau, tuy văn chất có khác nhau chút ít nhưng nghĩa lý thì chẳng khác. Sau đó Ba-lợi mang bản chữ Phạm lên núi Ngũ Đài, từ đó đến nay âm trần không nối tiếp. Cho nên biết đại quyền phương tiện Văn-thù dắt dẫn, ngàn năm một lần là nghĩa như vậy. Lại có một bản dịch xưa của ngài La-thập.

* *Thứ mười y theo văn giải thích:*

“Như vậy”: Trình bày rằng: Bộ kinh này chia làm ba phần, trước

nói về ba phần, sau nói hai bài tựa. Nói ba phần: Một là phần giáo khởi nhân duyên, hai là phần Thánh giáo sở thuyết, ba là phần y giáo phụng hành. Từ “Tôi nghe như vậy” cho đến “đầy đủ như trên nói” là phần giáo khởi nhân duyên. Từ “Bấy giờ, Như-lai” cho đến “cùng đến gặp ta” là phần Thánh giáo sở thuyết. Từ “Bấy giờ Thiên-đế” cho đến “tin nhận vâng làm” là phần y giáo phụng hành. Luận rằng bậc Thánh nói pháp phải có lý do, sự giáo hóa làm cho thế tục phải phục tùng, cho nên trước kinh nêu phần giáo khởi nhân duyên, đã tịnh tâm tín ngưỡng tức là khai tông thọ pháp. Kế là nói phần Thánh giáo sở thuyết, vì chúng sinh mà khởi lòng từ bi vô hạn, vì thế truyền dạy nên nói phần Y giáo phụng hành. Trong phần giáo khởi nhân duyên lại chia làm hai, một là tận chứng tín tự, hai là tựa phát khởi.

Từ “Tôi nghe như vậy” cho đến “và đại Bồ-tát tăng một muôn hai nghìn vị” là tựa chứng tín. Từ, bấy giờ, tầng trời Ba Mười Ba cho đến “đầy đủ như trên nói” là tựa phát khởi. Trước nói về lời tựa chứng tín, sau nói về tựa phát khởi tựa, chứng tín gồm có sáu thứ thành tựu: 1. Tín. 2. Văn. 3. Thời. 4. Chủ. 5. Xứ. 6. Chúng.

Nếu sáu nghĩa này đầy đủ thì thành chứng tín, sáu nghĩa không đủ thì không thành chứng tín. Trong luận của ngài Thiên Thân có nói: Ba điều trước là nói đệ tử, ba điều sau là chứng minh thầy nói, tất cả pháp môn tu-đa-la đều như vậy.

Trong tín thành tựu lại chia làm ba phần: một là nói có lý do, hai là nói sáu thứ thành tựu, ba là chánh giải việc tin.

1. Nói về lý do: vào sáng sớm ngày mười lăm tháng hai năm Nhâm Thân, niên hiệu Châu Mục Vương thứ năm mươi hai, bỗng nổi lên cơn gió mạnh, không có ánh sáng, mặt đất rung chuyển làm cho nhà đổ cây gãy, trời đất đều tối tăm, từ phương Tây có mười hai lần ánh sáng trắng, hai bên đều thông suốt, Mục Vương hỏi Đại Sư Hồ-đa rằng: Đây là điềm gì?

Hồ-đa đáp: Phương Tây có bậc Đại Thánh sắp diệt độ cho nên hiện điềm này.

Bấy giờ, là ngày đức Thế tôn Như-lai sắp nhập Niết-bàn, A-nan thấy Phật sắp nhập Niết-bàn, trong tâm buồn bã rơi lệ như cha mẹ mất. Trưởng lão Vô Diệt bảo A-nan rằng: Sao lại có sự đau buồn đồng như kẻ phàm phu như thế? Phải hỏi Đức Như-lai về bốn việc lớn. Đây là phần thứ nhất nói về lý do.

2. Nói về sáu thứ thành tựu, ở đây lại có ba việc: Một là dứt nghi, hai là sinh tín, ba là ngăn sự chệch bại. Một là nói về dứt nghi, luận Đại

Trí Độ chép: vào ngày mười lăm tháng hai, đức Như-lai Thế tôn nhập Niết-bàn giữa rừng Ta-la song thọ, lúc bảy giờ các vị trời lo sợ giáo pháp bị diệt, bèn đến chỗ ngài Ca-diếp, đánh lễ mà nói kệ rằng:

*Trường lão dục, sân, mạn đã dứt
Hình sắc giống như cột vàng tía
Trên dưới đoan nghiêm không ai sánh
Mắt sáng thanh tịnh như hoa sen.*

Các vị trời nói bài kệ khen ngợi xong bèn bạch rằng: Bạch Đại đức! Thuyền pháp sắp chìm, thành pháp sắp đổ, biển pháp sắp cạn, cờ pháp sắp gãy, đèn pháp sắp tắt.

Bảy giờ, ngài Ca-diếp bảo các vị trời rằng: Thế gian vô thường, không lâu sẽ tối tăm, và ngài im lặng nhận lời thỉnh cầu. Lúc ấy, các vị trời đánh lễ ngài Ca-diếp rồi, mỗi vị trở về tầng trời của mình.

Bảy giờ, ngài Ca-diếp liền tự nghĩ: Ta sẽ báo ân Phật, vì tất cả trời người mà kiết tập pháp tạng. Nghĩ đoạn, liền bay lên hư không trụ trên đỉnh núi Tu-di, đánh chuông gõ chùy và nói bài kệ rằng:

*Các đệ tử Phật
Nếu nhớ nghĩ Phật
Phải báo ân Phật
Chớ nhập Niết-bàn.*

Lúc này, âm thanh của chùy và tiếng của Đại Ca-diếp đồng thời vang khắp thế giới Tam thiên, các đệ tử Phật đều nghe lời này, các vị đắc quả A-la-hán, đồng thời nhóm họp đến chỗ ngài Ca-diếp, ngài Ca-diếp bảo đại chúng rằng: Phật đã nhập diệt nên giáo pháp nay cũng sắp diệt, hãy cùng nhau kiết tập kinh tạng, sau đó tùy ý nhập Niết-bàn. Bảy giờ, Ca-diếp vào thành Vương-xá chọn được một ngàn vị, chỉ trừ A-nan chưa đắc quả La-hán, còn chín trăm chín mươi chín vị đều là La-hán.

Hỏi: Vì sao chỉ chọn ngàn người mà không thêm, không bớt?

Đáp: Bởi vua Tần-bà-sa-la là cha vua A-xà-thế, phát nguyện mỗi ngày cúng dường ngàn vị tăng, cho đến người con là vua A-xà-thế cũng làm theo pháp của cha.

Bảy giờ, ngài Ca-diếp đến thành Vương-xá rồi, lại bảo vua A-xà-thế rằng: Nay ta muốn kiết tập pháp tạng, xin nhà vua hãy sắm sửa thức ăn cúng dường.

Lúc này, Ca-diếp cùng một ngàn vị đều đến núi Kỳ-xà-quật, ba tháng hạ an cư, ngày đầu tiên là ngày mười lăm, lúc thuyết giới xong thì ngài Ca-diếp liền nhập định quán sát xem trong chúng ai là người còn phiền não thì phải mời ra, chỉ có ngài A-nan, còn phiền não còn bao

nhiều đều là bậc A-la-hán. Bấy giờ, Đại Ca-diếp dẫn A-nan ra trước chúng nói rằng: Đại chúng đây đều thanh tịnh mà kiết tập kinh tạng, ông chưa dứt hết kiết sử thì không nên ở đây.

Lúc ấy, A-nan xấu hổ tự nghĩ: Ta làm thị giả Đức Thế tôn đã hai mươi lăm năm, chưa bao giờ khổ não như hôm nay. A-nan ráng nhẫn mà bạch Ca-diếp rằng: Tôi vì sự cúng dường nên cố ý lưu lại chút kiết sử.

Ca-diếp nói: Ông lại có sáu tội Đột-cát-la nên sám hối: Một là xin Đức Thế tôn độ cho người nữ xuất gia, khiến chánh pháp giảm năm trăm năm, hai là không thỉnh Phật trụ lại ở đời, ba là không cho Phật uống nước, bốn là xếp chồng y Uất-đa-la-tăng mà nằm, năm là dẫm lên y Tăng-già-lê của Phật, sáu là để âm tàng của Phật cho người nữ thấy vì có sáu tội này, ông nên sám hối.

A-nan thưa rằng: Tôi nghe các Đức Phật quá khứ, vị lai đều có bốn lý do, nên tôi xin cho người nữ xuất gia, thứ hai không thỉnh Phật ở đời là vì ma che lấp tâm tôi. Thứ ba không cho Phật uống nước, bởi trên nguồn có năm trăm cỗ xe đi qua làm nước bị vẩn đục, nên không cho Phật uống. Thứ tư chồng y Uất-đa-la-tăng mà nằm là vì bị bệnh, thứ năm đạp lên y Tăng-già-lê của Phật là do gió thổi nên lỡ bước nhằm, thứ sáu để lộ âm tàng Phật cho người nữ thấy là muốn làm cho họ sinh tâm nhàm chán.

A-nan liền ở giữa chúng cởi giày da, vén y bày vai phải, quỳ thẳng chấp tay sám hối tội Đột-cát-la. Sau khi sám hối xong, Đại Ca-diếp dẫn A-nan ra khỏi chúng mà bảo rằng: Nếu ông chưa sạch hết kiết sử thì chớ trở lại đây.

Ca-diếp liền đóng cửa, nói với các La-hán rằng: Ai có khả năng kiết tập tỳ-ni pháp tạng? Bấy giờ A-nậu-lâu-đà thưa: Đệ tử của Xá-lợi-phất là Kiều-phạm-ba-đề khéo thông hiểu tỳ-ni, nay đang giảng nói tỳ-ni tại vườn Thi-lợi-sa ở cõi trời.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền cử một vị La-hán lên tầng trời Đao-lợi, vị tăng được sai đi nhanh như chim nhọn bay, khi lên đến tầng trời ở chỗ Kiều-phạm-ba-đề liền đầu mặt đánh lễ, thăm hỏi và bạch rằng: Đại đức! Nay ở cõi Diêm-phù-đề có việc tăng, ngài hãy đến mau.

Kiều-phạm-ba-đề nói: Tăng không tranh cãi chứ? Ngày Phật diệt độ chẳng? Phá hòa hiệp tăng chẳng?

Vị Tỳ-kheo đáp: Phật đã diệt độ rồi. Kiều-phạm-ba-đề nói: Phật diệt độ quá nhanh, mắt sáng của thế gian đã nhắm. Ngài lại hỏi: Thầy ta là Ngài Xá-lợi-phất còn ở đời không? Đáp rằng: Đã nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Kiều-phạm-ba-đề bảo vị Tỳ-kheo rằng: Nay ta đã mất

đấng Đại sư ly dục, thầy ta lại diệt độ, thì ở lại làm gì? Nay ta không thể xuống cõi Diêm-phù-đề, mà sẽ nhập Niết-bàn ở đây. Nói xong, Ngài liền nhập định, vọt lên giữa hư không hiện mười tám thứ thần biến, hiện thần biến xong, tự tâm hóa ra lửa để đốt thân, trong lửa chảy ra nước, chia làm bốn dòng chảy xuống đến chỗ Đại Ca-diếp kiết tập kinh tạng, trong nước có tiếng nói rằng: Kiều-phạm-ba-đề đầu mặt lễ bái đại chúng và đại đức tăng bậc nhất, nghe Phật diệt độ tôi cũng diệt độ theo, như voi mẹ đi voi con bước theo. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo hạ tọa trở lại Diêm-phù-đề chỗ kiết tập kinh tạng trong núi Kỳ-xà-quật, biết ngài A-nan đã đắc quả. A-nan đã chứng A-la-hán liền đến gõ cửa, Ca-diếp hỏi rằng: Ai gõ cửa?

A-nan đáp: Tôi là A-nan.

Ca-diếp hỏi: Ông đến đây làm gì?

A-nan đáp: Tôi đã chứng quả La-hán.

Ca-diếp bảo rằng: Nếu ông đã chứng La-hán thì cứ vào tự nhiên. A-nan liền vào. Ca-diếp bảo A-nan lên tòa cao, sau khi lên tòa, giống như Đức Như-lai có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, A-nan lại chấp tay nhất tâm hướng về chỗ Phật nhập Niết-bàn mà nói kệ rằng: Lúc Phật mới nói pháp, lúc ấy con không thấy, lần lượt nghe Phật ở tại thành Ba-la-nại, vì năm tỳ kheo mà bắt đầu mở cửa cam lộ, nói pháp Tứ đế: khổ, tập, diệt, đạo. A-Nhã-Kiều-Trần-Như được đắc đạo, và tám muôn vị trời nghe pháp cũng được đắc đạo.

A-nan nói xong, bấy giờ ngàn vị la-hán đều nói: Năng lực vô thường rất lớn, chúng ta mắt thấy Phật, bèn đồng thanh nói kệ rằng:

Ta thấy thân tướng Phật

Giống như núi vàng tía

Tướng mẫu các đức diệt

Chỉ có danh vẫn còn

Cho nên phải phương tiện

Thoát khỏi ba cõi này

Siêng năng trồng gốc lành

Niết-bàn an vui nhất.

Ngàn vị La-hán nói kệ xong, mỗi vị trở về chỗ ngồi. Bấy giờ, Đại Ca-diếp bảo Ưu-ba-ly trước kiết tập năm bộ luật tạng, kế là bảo A-nan kiết tập tạng Tu-đa-la và tạng A-tỳ-đạt-ma, từ lúc Như-lai mới xoay bánh xe pháp cho đến nhập Niết-bàn kiết tập thành bốn bộ A-hàm, một là Tăng nhất A-hàm, hai là Trường A-hàm, ba là Trung A-hàm, bốn là Tương ưng A-hàm, gọi chung là tạng Tu-đa-la.

Bấy giờ, việc kết tập pháp tạng đã xong, ngài Đại Ca-diếp bảo các đệ tử rằng: Hôm nay, vào giờ thân ta sẽ nhập Niết-bàn. Các đệ tử đồng loạt xuống núi thông báo với tất cả hạng quý tộc trong thành Vương-Xá rằng: Vào giờ Thân hôm nay ngài Ma-ha Ca-diếp sẽ nhập Niết-bàn. Bấy giờ, tất cả người dân đều buồn bã sâu khổ, cùng nhau đến chỗ ngài Ca-diếp. Ca-diếp nói pháp yếu cho họ nghe, rồi đắp y Tăng-già-lê của Phật. Cầm y bát, tay chống tích trượng, như chim đại bàng cánh vàng vọt lên giữa hư không, hiện mười tám thứ thần biến, hiện thần biến xong liền nguyện rằng: Nguyện thân này được thấy Phật Di-lặc. Phát nguyện rồi liền đi vào núi Kỳ-xà-quật như đi vào đất bùn mềm, ngài đi vào xong thì núi khép lại, và ở trong ấy đợi Phật Di-lặc. Đến lúc con người theo tám mươi ngàn tuổi, thân cao tám mươi thước, thì Phật Di-lặc ra đời, thân cao một trăm sáu mươi thước, mặt rộng hai mươi bốn thước, ánh sáng phát ra xa mười dặm, mở ba kỳ pháp hội nói pháp độ người, biếng nhác. Bấy giờ, Phật Di-lặc ấn ngón chân xuống núi Kỳ-xà-quật, núi liền mở ra, khi núi mở ra thì Ngài Đại Ca-diếp đắp y tăng-già-lê bước ra lễ bái Phật Di-lặc, bay lên hư không hiện mười tám thứ thần biến, hiện thần biến xong thì nhập Niết-bàn. Lúc ấy độ được vô số chúng, đây là phần thứ nhất dứt nghi.

Phần thứ hai là sinh tín, như mặt đất có công năng nuôi lớn cây cỏ, tin như cha mẹ có khả năng nuôi dưỡng con cái, nếu Phật bảo thì nuôi lớn pháp thân, đây là phần thứ hai. Như kinh sách ngoại đạo thì không có sáu nghĩa như vậy, cho nên bị chê bai.

3. Chánh giải việc tín, nói: “Như vậy”, là Chân-đế, tục đế đều không, lý và sự cùng nêu, phạm Thánh đồng quy, bậc Thập địa mới có thể hy vọng, ba thừa chẳng thể biết nguồn gốc. Chú Pháp Hoa chép: “Như vậy”, là điềm lành cảm ứng. Cho nên kinh Đại Bảo Tích chép: Hễ khi nào Như-lai nói pháp, thì trước hiện ba điềm lành, một là phạm âm, hai là hương thơm, ba là ánh sáng, hiện ba thứ này biến thành đài báu rộng khắp mười phương, rung chuyển khắp thế giới, chúng sinh thấy rồi cả mình nổi ốc, phát tâm cao siêu, khiến cho phiền não của chúng sinh tiêu diệt, như bỏ thuốc Tỳ-thấp vào thuốc độc thì khiến thuốc độc biến thành cam lộ, cũng vậy, thuốc mâu nhiệm an lành để vào tám mươi bốn ngàn trần lao thì trần lao biến thành chân như cam lộ, cho nên điềm lành như vậy, lược có mười ví dụ như sau: một là dụ chứa củi, hai là dụ gân sư tử, ba là dụ vua Chuyển Luân, bốn là dụ sao báu, năm là dụ đàn hương, sáu là dụ tân-già-la, bảy là dụ trống kỳ-bà, tám là dụ sữa sư tử, chín là dụ bình công đức, mười là dụ ngọc thủy tinh.

1. Dụ chứa củi đốt hết
2. Dụ gân sư tử làm dây đàn
3. Dùng bánh xe hàng phục.
4. Dụ ao báu dụ cho ánh sáng.
5. Dụ đàn hương: Là rừng nhiếp y lan rộng mỗi bề bốn mươi dặm.

6. Dụ Tân-già-la, kinh Ưu-bà-tắc Giới chép: Trong nước Ca-lăng có kho bảy báu, tên là Tân-già-la, đủ bảy thứ báu. Chúng sinh lấy mãi không hết, lòng tin cũng vậy, có công năng sinh ra tất cả pháp báu của các Đức Phật.

7. Dụ trống-kỳ-bà, như luận Minh Liễu chép: Trống kỳ-bà chỉ có tất cả chúng sinh vào trong quân trận gặp các tên độc, dùng dùi đánh trống, thì tất cả tên độc đồng thời đều bay ra, không có các đau khổ. Lòng tin cũng như vậy, tín tâm vừa khởi, có công năng làm cho tên độc tham, sân, si đồng thời bay ra.

8. Dụ sữa sư tử: Kinh Hoa Nghiêm chép: Như đổ sữa sư tử vào các thứ sữa thì các thứ sữa đều hóa thành nước, lòng tin cũng như vậy, có thể biến tất cả phiền não thành nước pháp bồ đề vắng lặng.

9. Dụ bình công đức luận Trí Độ chép: Có bà-la-môn thờ phụng trời Công đức trong mười hai năm để cầu được như ý, khi đủ mười hai năm, trời công đức hiện ra trao cho một cái bình và nói: Nếu người cần gì thì cầu xin chiếc bình này sẽ được như ý, lòng tin cũng như vậy, có công năng sinh tất cả công đức lành.

10. Dụ ngọc thủy tinh: Luận Duy thức chép: Bỏ hạt ngọc này vào nước đục, nhờ năng lực nên nước được trong, lòng tin cũng như vậy, có công năng khiến cho sự bất tín dơ đục trở thành trong sạch. Lại nữa, Tam tạng Chân-đế nói: “Như vậy”, bởi lìa bỏ sự chê bai nên gọi là như vậy, chê bai có năm thứ: Một là chê bai tăng ích, hai là chê bai tổn giảm, ba là chê bai trái nhau, bốn là chê bai ngu si, năm là chê bai hí luận.

Kinh này quyết định nhân quả thật có là chê bai tăng ích, kinh này nhân quả thật không là chê bai tổn giảm, kinh này nhân quả vừa có vừa không là chê bai trái nhau, kinh này nhân quả chẳng phải có chẳng phải không là chê bai ngu si, kinh này nhân quả chẳng phải chẳng có, chẳng phải chẳng không là chê bai hí luận. Lìa bỏ năm thứ chê bai cho nên gọi là như vậy. Lại nữa, luận Phật Địa chép: “Như vậy”, là giải thích theo bốn nghĩa, giải thích theo thí dụ, giải thích theo giáo hối, giải thích theo vấn đáp, giải thích theo hứa khả.

1. Giải thích theo thí dụ: Nay người được phước quý như Tỳ-sa-môn.

2. Giải thích theo giáo hối: Người nên đọc tụng như vậy, tu hành như vậy.

3. Giải thích theo vấn đáp: Tôi nghe như vậy, giảng nói như vậy.

4. Giải thích theo hứa khả: Ta sẽ giảng nói như vậy cho người nghe.

Lương Võ Đế nói: Lời nói như đây là do Phật nói nên nói “Như vậy”. Lại nữa, pháp sư Tinh Thái nói: “Như” là chỉ cho pháp, “vậy” là lời nhất định, như pháp nói tất cả đều vậy cho nên nói “Như vậy”. Pháp sư Tăng Triệu giải thích rằng: Tín là lý đã nói được thuận, thuận là đạo thầy trò thành, cho nên trong kinh ban đầu đặt lời “Như vậy”. Nay giải thích chữ Như là lời nói của các Đức Phật ba đời, chữ vậy tức là điều giảng nói của các Đức Phật ba đời, cho nên nói “như vậy”. Lại nữa, Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: Tín có ba thứ, một là tin thật có, hai là tin có thể đắc, ba là tin có công đức vô cùng. Thí như trong gỗ chắc chắn có tánh lửa, cọ xát thì lấy được lửa, lấy được lửa thì có các thứ công dụng. Phật tánh cũng như vậy, nay lược có mười giải thích.

1. Nhân ban đầu để vào địa vị Thánh, quả dần dần ra khỏi phàm phu.

2. Đầu tiên vui mừng được ăn vị pháp, gánh vác pháp báu ở hai vai.

3. Đầu tiên được nguồn bảy thứ pháp tài.

4. Chỗ y chỉ của ba thừa, muôn hạnh do đây mà tu.

5. Nước tâm vắng lặng trong sạch, ý tánh sáng rõ.

6. Ra khỏi bùn lầy.

7. Vượt khỏi đường hiểm sinh tử.

8. Thuyền chìm trong biển khổ.

9. Tay chân ngắt lấy pháp báu.

10. Đạo chơi nơi hoang vắng.

Cho nên mười một món thiện trong luận Duy Thức có ba đoạn, một là nói lý do, hai là giải thích về tín trong sáu thứ, ba là dứt nghi sinh tín ngăn chệch, dùng tịnh tín làm thể, như phèn lóng nước có công năng làm cho nước trong sạch. Trên đây tuy có ba thứ khác nhau nhưng đều nói về tín thành tựu thứ nhất.

“Tôi nghe”: Lời thuật chép: Thứ hai là nghe thành tựu, cũng chia làm ba phần, một là giải thích tên A-nan, hai giải thích nhân của A-nan, ba chính là giải thích chữ “nghe”.

1. Giải thích tên A-nan: A-nan là tiếng Phạm, Hán dịch là Hoan Hỷ, trong luật Ngũ Phần chép: Vua Sư Tử Giáp có bốn người con đều làm vua, một là Tịnh Phạn, hai là Bạch Phạn, ba là Học Phạn, bốn là Cam Lộ Phạn. Vua Tịnh Phạn có hai người con, một là Tất-đạt-đa, hai là Nan-đà, vua Bạch Phạn cũng có hai người con, một là Bạt-đề, hai là Đề-sa, vua Học Phạn cũng có hai người con, một là Đề-bà-đạt-đa, hai là A-nan-đà, vua Cam Lộ Phạn cũng có hai người con, một là Ma-ha-nam, hai là A-nê-lư-đâu. Thái tử Tất-đạt-đa là con vua Tịnh Phạn, năm mười chín tuổi xả bỏ ngôi vị Luân vương, vào nửa đêm giờ Tý ngày tám tháng hai thì vượt thành xuất gia, chấp tay định tâm ngôi thiền, tu khổ hạnh trong sáu năm, mỗi ngày ăn một hạt mè, chỉ còn da bọc xương. Vua nghe việc như vậy, buồn khóc rơi lệ than rằng: Con ta xả bỏ ngôi vị Luân vương, mà không chứng đắc được gì. Sau đó, Bồ-tát uống một bát sữa, đến sông Ni-liên-thiền tắm gội thân thể, rồi đến tòa kim cương tự phát thệ rằng: Nếu không thành Chánh giác thì không xả kiết già. Phát lời thề xong thì trời đất rung chuyển, cung ma không yên ổn, bảy giờ ma trời Ba-tuần thấy Bồ-tát sắp thành Chánh giác, bèn đem tám mươi ức ma nữ và các loài quỷ đến khuấy rối, chúng ma đầy cả sáu mươi do-tuần cùng đến dọa nạt Bồ-tát. Bảy giờ, Bồ-tát nhập Tam-muội Từ Định, khiến dao mác cung tên của ma biến thành hoa sen, ma biết sức mình không bằng Phật, liền đến cung vua Tịnh Phạn mà khuấy rối vua cha của Bồ-tát, ma ở trong hư không nói rằng: “Đêm qua con người đã chết rồi”. Vua nghe xong liền kinh hãi bất tỉnh lặn xuống giường, lát sau mới tỉnh lại, đau buồn rơi lệ mà nói bài kệ rằng:

A-di-đà nói dối ()
 Diêm lành không linh nghiệm,
 Trước có tên cát lợi
 Tất cả không được gì.*

Lúc vua Tịnh Phạn nói lời này rồi, thần cây bồ đề thấy Phật thành đạo, bèn đem hoa trời Mạn-đà-la đến cung vua Tịnh Phạn, ở trên hư không nói kệ rằng:

*Con ông đã thành đạo.
 Các ma đã lui hết
 Ánh sáng như trời, trăng
 Chiếu các cõi mười phương.*

Bảy giờ, vua nghi ngờ rằng: Trước kia nói con ta đã chết, nay lại nói thành Phật, không biết ra sao?

Thần cây đáp rằng: Trước đó là do Ma Vương muốn đến khuấy

rồi, còn tôi là thần cây Bồ-đề, nay đến chúc mừng.

Vua mừng rỡ nói: Con ta xả bỏ ngôi vị Luân vương mà Thánh Pháp luân vương, cả hai đường đều không mất. Vua Tịnh Phạn còn đang vui mừng thì vua Hộc Phạn lại đến báo tin rằng: Phu nhân của đệ hạ sinh một hoàng nam. Vua Tịnh Phạn nghe vậy rất đổi vui mừng, do niềm mừng nên mà đặt tên là A-nan (Hoan Hỷ). Lại làm bài tụng rằng:

*Mắt như trăng tròn sáng
Mắt như hoa sen xanh
Biển Phật pháp rộng lớn
Chảy vào tâm A-nan.*

Đây là xong phần thứ nhất giải thích tên A-nan.

2. Giải thích nhân của A-nan:

Kinh Pháp Hoa chép: Ta và A-nan đồng thời phát tâm vào thời Phật Không Vương, ta thường tu hành tinh tấn, A-nan thường ưa học rộng. Lại nữa, vào thời Phật Ca-diếp, Đức Thích-ca-mâu-ni là một Sa-di, bấy giờ người thầy bảo sa-di mỗi ngày phải tụng một ngàn lời kinh, lại phải khát thực cho hai người cùng ăn. Sa-di sợ tụng kinh không được bèn ngồi giữa đường khóc lóc, bấy giờ có một vị Trưởng giả hỏi Sa-di rằng: Vì sao chú buồn thế?

Sa-di đáp: Thầy tôi bảo tôi mỗi ngày phải tụng ngàn lời kinh, lại phải khát thực để hai người cùng thọ, tôi sợ tụng kinh không được cho nên buồn.

Trưởng giả nói: Chú hãy an tâm tụng kinh, từ nay về sau, mỗi ngày hãy đến nhà đệ tử lấy thức ăn, nếu chú thành Phật, tôi nguyện làm đệ tử. Sa-di tụng kinh thuở ấy là Phật Thích-ca Mâu-ni, vị Trưởng giả bố thí thức ăn là A-nan. Đây đã xong phần thứ hai giải thích nhân của A-nan.

3. Chánh thức giải thích nghe:

Luận Phật Địa chép: Ngã là các uẩn mà thế tục giả gọi, nghe là nhĩ căn phát ra thức, lãnh thọ lời nói, phước riêng nêu chung, nên nói “tôi nghe”. Có người hỏi: Phật khen ngợi vô ngã, lấy gì truyền pháp? Bồ-tát nói rằng: “Tôi nghe”.

Đáp: Phật nói pháp thường y theo Nhị đế, một là tục đế, hai là Chân-đế, nói “tôi nghe”, là nói theo tục đế. Phật nói: Các căn nói đối với ngã, hoặc nói đối với vô ngã, trong thật tướng các pháp không có ngã, không có phi ngã. Lại nữa, Pháp sư Lãng giải thích căn không nghe được, nhĩ thức không thể biết, hợp lại không thể nghe, đây là không

nghe.

Có người hỏi: Như-lai nói pháp trong năm mươi năm, A-nan thị giả Phật chỉ nghe Phật nói pháp trong hai mươi lăm năm. Vậy A-nan không nghe pháp trong hai mươi lăm năm đầu, tại sao giáo pháp một đời đều nói rằng: “Tôi nghe”. Đáp rằng: theo kinh Báo Ân thì vì A-nan mà Phật nói lại mười hai bộ kinh, theo nên giáo pháp một đời đều nói là “tôi nghe”.

Hỏi: A-nan làm sao trì được mười hai bộ kinh?

Đáp: A-nan đắc Tam-muội Kim Hoa, có khả năng trì mười hai bộ kinh. Lại nữa, Kinh Niết-bàn chép: A-nan có đủ tám pháp, có khả năng trì mười hai bộ kinh, một là tín căn vững chắc, hai là tâm ngay thẳng, ba là thân không bị bệnh khổ, bốn là thường siêng năng tinh tấn, năm là có đủ tâm nghĩ nhớ, sáu là tâm không kiêu mạn, bảy là thành tựu văn tuệ, tám là nhờ nghe mà phát sinh đầy đủ trí tuệ. Có đủ tám pháp này nên có khả năng trì mười hai bộ kinh, mặt như trăng tròn đầy, gái trai chạy đến, mắt như hoa sen xanh, sang hèn đều kính ngưỡng, ánh sáng Phật chiếu khắp, nghe tấu những lời vui mừng, nhụy trời sáng nở, tối trở về niềm vui hơn hờ, Như-lai nói pháp thường có khả năng nhận lãnh, Đại Thánh mở rộng kinh có lời nói tốt đẹp như vàng ngọc, vừa nghe đều lãnh thọ, tám pháp đều tu, cho nên bốn loài lại nghe mười phương giảng nói. Trên đây tuy có ba đoạn khác nhau, nhưng đều chung phần nghe thành tựu thứ hai.

“Một thưở nọ”. Lời thuật chép: Thứ ba là thời thành tựu, cũng chia làm ba: Giải thích thời giả danh, Giải thích thời bất tư nghị, chính là giải thích chữ Thời.

1. Giải thích thời giả danh, như luận Câu-xá chép: Một sát-na là phần nhỏ nhất của thời, trong một niệm của con người có chín mươi sát-na, một sát-na có chín trăm lần sinh diệt, một trăm hai mươi sát-na gọi là một đất sát-na, sáu mươi đất-sát-na là một lạp-phước, ba mươi lạp-phước là một mâu-hô-túc-đa, ba mươi mâu-hô-túc-đa là một ngày một đêm. Đây giải thích xong thời giả danh.

2. Giải thích thời bất tư nghị: cảnh giới của các Đức Phật là thời bất tư nghị, trong một sát-na nhiếp một kiếp, nhất thời ứng khắp chẳng có khác nhau nên gọi là nhất thời. Kinh Duy-ma chép: Hoặc có chúng sinh thích sống lâu trên đời, Bồ-tát liền kéo dài bảy ngày thành một kiếp, hoặc có chúng sinh không thích sống lâu trên đời, Bồ-tát liền rút ngắn một kiếp thành bảy ngày. Lại như Đức Đại Thông Trí Thắng Như-lai nói kinh Pháp Hoa, bấy giờ hội chúng lắng nghe trải qua sáu mươi

tiểu kiếp không rời khỏi chỗ ngồi mà khoảng chừng như bữa ăn, đây giải thích xong thứ hai thời bất tư nghị.

3. Chánh giải thích chữ thời: ngày Pháp Vương khả vận, lúc đại chúng vui mừng nhóm họp gọi là nhất thời. Luận Phật Địa chép: Thời gian nói một bộ kinh, chẳng phải sát-na nối nhau, cho đến rốt ráo gọi chung là nhất thời. Lại nữa, Tam tạng Chân-đế giải thích rằng: Luân vương ra đời bảy báu nhất thời Pháp Vương ra đời Pháp bảo nhất thời, khiến căn cơ giáo pháp phù hợp chẳng khác nhau, cho nên nói nhất thời. Bởi cho rằng tiểu phẩm lập kia có đây, Đại thừa vốn không đến không đi, cho nên sáu mươi tiểu kiếp gom lại ở một thời, biết lời nói vọng lập nương vào cảnh mới gọi, nghĩa của chữ thời nói và nghe không hai, cho nên nói nhất thời. Lại nữa, Tam tạng giải thích rằng: Đây đủ mười nghĩa nên gọi là nhất thời, một là thời Phật xuất thế, hai thời là thuyết chánh pháp, ba là thời thính chánh pháp, bốn là thời trì chánh pháp, năm là thời suy nghĩ chánh pháp, sáu là thời tu chánh pháp, bảy là thời gieo gốc lành, tám là thời thành thực gốc lành, chín là thời giải thoát gốc lành, mười là thời tâm bình đẳng.

1. Thời Phật xuất thế: Như lúc Luân Vương ra đời thì bảy báu cùng có được trong một lúc, lúc Pháp vương ra đời thì pháp báu được nghe trong một lúc, Luân vương ra đời, những điều chưa thấy nghe thì khiến cho được thấy nghe.

2. Thời thuyết chánh pháp: Phật nói chánh pháp, tất cả người cuồng điên đều được tỉnh ngộ, nên gọi là nhất thời.

3. Thời Thính chánh pháp: Gồm có bốn nhân duyên, một là có nhân đời trước, hai là có chánh tín, ba là nguyện ưa thích, bốn là sinh tâm tôn trọng, đủ bốn nhân duyên này là thời thính pháp, nên gọi là nhất thời.

4. Thời trì chánh pháp: Gồm có ba nhân duyên, một là tự hành viên mãn, hai là tha hành thành tựu, ba là có điều để người khác vâng theo.

5. Thời suy nghĩ chánh pháp: Gồm có năm nhân duyên, một là suy nghĩ lựa chọn tương tự để phân biệt với giữ lấy chân, hai là suy nghĩ lựa chọn càng tốt đẹp như luyện vàng ròng, ba là suy nghĩ phân biệt được quả, như trăng sáng mây tan, mọi người thích nhìn, bốn là suy nghĩ lựa chọn vô cùng, như hạt châu như ý tuôn ra của báu mãi không cạn, phân biệt pháp cũng vậy, hiển lý vô cùng, năm là suy nghĩ phân biệt lợi ích, như thấy ánh sáng mặt trời thì làm việc không ngừng, được vị Phật pháp và giáo hóa dẫn dắt vô biên, đây đủ năm nghĩa này là thời suy nghĩ

phân biệt.

6. Thời tu chánh pháp: gồm có năm nhân duyên: Một là trí căn lanh lợi dứt bỏ chướng phiền não, hai là có tín đầy đủ dứt bỏ được nghiệp chướng, ba là sinh cõi trời, cõi người, dứt bỏ được báo chướng, bốn là ưa thích vắng lặng, dứt bỏ được chướng tán loạn, năm là gặp chánh pháp của Phật, dứt bỏ được tà chướng.

7. Thời gieo gốc lành: là phát tâm Bồ-đề, gồm có mười nhân duyên, một là nương Phật tánh vốn có, hai là nương khí, nương cõi trời, cõi người, ba là nương đất, nương tám thiên, bốn là nương ba ngôi báu thực hành không lui sụt, năm là nương người, nương tất cả chúng sinh mà gieo trồng nhân, sáu là nương vào ý ưa thích, nguyện chỉ phát tâm Bồ-đề rộng lớn, bảy là nương vào trí quán sát lỗi lầm và công đức, tám là nương vào tín, tin ba ngôi báu, bốn đấng, bảy xứ. Chín là nương theo thực hành cắt thịt cho chim ưng ăn v.v... mười là nương hồi hướng, tất cả gốc lành đều vì chúng sinh, đầy đủ mười việc này gọi là thời gieo gốc lành.

8. Thời thành tựu gốc lành: gồm có bốn nhân duyên, một là đời trước trồng gốc lành là nhân thành tựu, hai là sinh vào nơi có Phật pháp lưu hành, chỗ nơi tương ứng, ba là gần gũi bạn lành, học hỏi với người. Bốn là như thuyết tu hành lìa các buồng lung, đủ bốn duyên này là thời thành tựu gốc lành.

9. Thời giải thoát gốc lành: gồm có năm nhân duyên, một là thời gần gũi bạn lành, hai là thời lắng nghe chánh pháp, ba là thời trì chánh pháp, bốn là thời suy nghĩ chánh pháp, năm là thời quy y chánh pháp, đầy đủ năm việc này gọi là thời giải thoát gốc lành.

10. Thời tâm bình đẳng: nếu tâm có cao thấp thì nghe pháp không thâm nhập, nếu có thể bớt chỗ cao thêm chỗ thấp, niệm trí bình đẳng, thì được thâm nhập chánh pháp, gọi là tâm bình đẳng thời.

Đầy đủ mười nghĩa trên đây gọi là nhất thời. Lại nữa, Tam tạng Trường Nhĩ giải thích chữ thời có ba nghĩa: Thời phân đoạn và thời bất tư nghị, thời giả danh.

1. Thời phân đoạn: năm uẩn làm thể, bốn tướng làm tướng, hết thời kỳ quả báo, như bánh xe quay của người thợ gốm, hết đời thì dừng gọi là thời phân đoạn thân.

2. Thời bất tư nghị biến dịch: nghĩa là sinh tử, biến dịch nối nhau, đối với pháp phân chia khó biết, gọi là thời bất tư nghị biến dịch.

3. Giả danh thời: nước ngoài gọi là Kiếp-ba, tự có ba nghĩa: Là Ca-la, Tam-ma-da và Thế lưu bố.

- *Ca-la*: Hán dịch là Biệt tướng, như đặt ra giới luật, giới Đại giới thì nghe, giới Tiểu thừa thì không nghe, xuất gia thì được nghe, tại gia thì không được nghe, vua thì được nghe, các người khác không được nghe.

- *Tam-ma-da*: Hán dịch là thời phá tà kiến, là chín phần Đạt-ma trong năm bộ A-hàm, không phân biệt trắng đen, tất cả được dùng.

- *Thế lưu bố*: như nói rằng một thuở nọ ở trong rừng Trung Thủ, một thuở nọ bên bờ sông Hằng, điều âm khởi chuyển, tức là pháp ngữ của người đời, khiến y theo thời phá tà kiến và thời thế lưu bố, nên gọi là nhất thời.

Hỏi: Thời ở đây dựa vào đâu mà kiến lập?

Đáp: Luận Phật Địa chép: Thời, là đối với pháp hữu vi mà giả lập phần vi, ảnh tượng dựa vào sắc tâm mà giả lập chung, cho nên không tương ứng với chỗ nhiếp của hành uẩn, ba đoạn trên đây không đồng nhau. Tóm lại đã nói xong thời thành tự thứ ba.

“Bạc-già-phạm”. Lời Thuật rằng: Thứ tư là chủ thành tự, cũng chia làm ba điều, một là giải thích tên gọi Bạc-già-phạm, thứ hai giải thích thân Bạc-già-phạm, thứ ba giải thích chữ “chủ”.

1. Giải thích tên gọi Bạc-già-phạm, Luận Du-già chép: Có thể lực lớn, phá được đại ma, nên gọi là Bạc-già-phạm. Lại nói rằng: Thần nhiên ngồi trên tòa Bồ-đề, tùy ý phá tan ma, có thể lực lớn, nên gọi là Bạc-già-phạm. Theo luận Phật Địa thì, Bạc-già-phạm có sáu nghĩa là: Tự tại, mạnh mẽ, xinh đẹp, tiếng tăm, tốt lành và tôn quý.

1. Tự tại: Là không bị tất cả phiền não trói buộc, nên gọi là tự tại.

2. Mạnh mẽ: Là dùng lửa trí mạnh mẽ thiêu đốt phiền não.

3. Xinh đẹp: Dùng ba mươi hai tướng tốt để tự trang nghiêm.

4. Tiếng tăm: Nghĩa là tất cả công đức cao quý đều tròn đầy.

5. Tốt lành: Là được tất cả trời, người gần gũi cúng dường.

6. Tôn quý: Là có đủ tất cả công đức, an vui hữu tình.

Đầy đủ sáu nghĩa trên, nên gọi là Bạc-già-phạm. Bốn ma: Một là phá ma năm uẩn, năm uẩn hữu lậu làm thể, hai là phá ma phiền não, một trăm hai mươi tám phiền não căn bản, tùy phiền não làm thể, ba là phá ma chết, năm uẩn hữu lậu là tướng vô thường gọi là ma chết, bốn là phá ma trời, thiên tử ở cõi Tha Hóa Tự Tại là ma trời. Luận Tát-bà-đa chép: Phá được bốn thứ ma, nên gọi là Bạc-già-phạm. Luận Câu-xá chép: Dưới gốc Bồ-đề phá tất cả ma phiền não, trên tòa kim cương phá tất cả ma, trời lưu lại mạng sống ba tháng là phá tất cả ma chết, nhập

Niết-bàn là phá tất cả ma năm uẩn. Lại nữa, kinh Đại Tập nói lược ý nghĩa của hoại ma, do quán không nên phá hoại được ma năm uẩn, do quán vô tướng mà phá hoại được ma phiền não, do quán vô nguyên mà phá ma hoại tử, đầy đủ ba hồi hướng Bồ-đề nên phá hoại ma trời. Lại nói rằng: Thứ nhất quán thân bất tịnh mà hoại ma năm uẩn, thứ hai quán thọ là khổ là phá hoại ma phiền não, thứ ba quán thân vô thường là phá hoại ma chết, thứ tư quán pháp vô ngã là phá hoại ma trời. Đây đã xong thứ nhất giải thích tên gọi Bạc-già-phạm.

2. Giải thích thân Bạc-già-phạm: Có ba nghĩa: Báo thân, hóa thân và pháp thân. Báo thân là nói pháp cho Bồ-tát pháp thân nghe, hóa thân là nói pháp cho người ở Nhị thừa nghe, pháp thân là pháp thân thường vắng lặng tự lợi, lợi tha. Tuy có ba thân khác nhau nhưng chỗ thấy chẳng khác, như Thanh Văn thấy thân trượng sáu, Bồ-tát thấy thân vô biên, các Đức Phật thấy thân pháp tánh. Như vậy, một sợi dây mà sinh ra ba tướng, người mắt mờ cho đó là rắn, người mắt sáng thấy đó là sợi dây, người có trí quán xét chỉ thấy là gai. Báo thân, hóa thân và pháp thân cũng như vậy, nếu chung thì ba tức là một, một tức là ba, nếu riêng thì ngay nơi ba chẳng phải ba, ngay nơi một chẳng phải một. Như ba thứ: nước, băng và sóng, khác nhau, nhưng ngay nơi băng là nước, ngay nơi nước là băng, ngoài nước không có sóng, ngoài sóng không có nước, báo thân, hóa thân, và pháp thân cũng như vậy, đây đã xong thứ hai giải thích thân Bạc-già-phạm.

3. Chính là giải thích chữ chủ: theo luận Đại Trí Độ thì gồm có năm nghĩa, một là Phật nói, hai là Thánh đệ tử nói, ba là các vị trời nói, bốn là thần tiên nói, năm là người biến hóa nói. Nay nói kinh này là do Phật nói, thì Phật là giáo chủ. Chữ Phật có ba nghĩa, là tự giác, giác tha, và giác hạnh viên mãn, Thanh Văn được trí Sinh không nên có thể tự giác, Bồ-tát tuy được trí Pháp không, nhưng giác chưa viên mãn, các Đức Phật thì tự giác, giác tha, giác hạnh đều viên mãn, nên gọi là Phật. Phật là người đứng đầu ba cõi, là cha của bốn loài, phát ra ánh sáng khắp cả ngàn cõi, rưới mưa pháp khắp năm thiêu, cho nên ngoại đạo quy y, ma trời đánh lễ, ngọc hào chiếu suốt địa ngục tiêu tan, đánh tướng nhô cao trời người khó nhìn thấy hết, khó giải khó lường nên gọi là Phật, trên đây tuy có ba thứ khác nhau nhưng đều nói về Chủ thành tựu thứ tư.

“Tại nước Thất-la-phiệt, trong rừng Thệ-đa, vườn Cấp Cô Độc”. Lời thuật chép: Thứ năm là Xứ thành tựu, cũng có ba phần: một là nói về cõi nước, hai là nói về rừng, ba là nói về vườn.

1. Nói về cõi nước: Là nước Thất-la-phiệt, Hán dịch là thành Danh Văn, bởi đây có những người đức lớn học rộng, tiếng tốt đồn xa nên gọi là thành Danh Văn, xưa dịch là nước Xá-vệ, là nước ở giữa Thiên-trúc, thời Phật tại thế do vua Thắng Quân trị vì, chu vi hơn sáu ngàn dặm, trong thành này có hai ngôi tháp, một là tinh xá của Di mẫu Ma-ha Bà-xà-ba-đề, hai là tháp trong vườn Trưởng giả Tu-đạt, đây là xong phần thứ nhất nói về cõi nước.

2. Nói về rừng: Tức là trụ trong rừng Thệ-đa. Luận Đại Trí Độ chép: Vì thương xót chúng sinh cho nên trụ trong rừng Thệ-đa, chữ Trụ là một trong bốn oai nghi, có ba: Một là thiên trụ, hai là phạm trụ, ba là Thánh trụ. Thiên trụ là do có ba việc bố thí, giữ giới và nhẫn nhục mà được sinh lên cõi trời, nên gọi là Thiên trụ. Phạm trụ là có đủ bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả mà được sinh lên tầng trời Phạm Thiên, cho đến tầng trời Phi tưởng, Phi phi tưởng, nên gọi là Phạm trụ. Thánh trụ: Là thực hành không, vô tướng, vô nguyện, trụ trong ba thứ Tam-muội không, nên gọi là Thánh trụ. Luận Trí Độ chép: Lại có bốn thứ trụ, một là thiên trụ, hai là phạm trụ, ba là Thánh trụ, bốn là Phật trụ, ba thứ trụ trước là của Thanh Văn, Duyên giác, còn Phật trụ là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm tám mươi bốn ngàn các pháp tạng.

Rừng Thệ-đa, Hán dịch là rừng Tối Thắng, bên ngoài thành Danh Văn, cách năm dặm về phía Đông nam có khu rừng tên Thệ-đa, là rừng do Thái tử Kỳ-đà hiến cúng. Kỳ-đà, Hán dịch là Chiến Thắng Vương, nên gọi là Chiến Thắng, đây là xong nói về rừng thứ hai.

3. Nói về vườn: Kinh Niết-bàn chép: Khu vườn này do Trưởng giả Tu-đạt mua để cúng dường Phật, rừng là do Thái tử hiến cúng, lại giải thích nước là chỗ giáo hóa chung, tức là nước Thất-la-phiệt, vườn là chỗ giáo hóa riêng, tức là rừng Thệ-đa, ở nước là giáo hóa người thế tục, ở vườn là nhiếp chung tăng chúng, cũng là nêu cả ồn ào và yên tĩnh, nói cả đạo lẫn tục. Thuở Phật tại thế, do vua Thắng Quân trị vì, truyền ra nước khác: gọi là Viễn Văn. Viễn Văn có bốn nghĩa: Đây đủ của báu, cảnh nhiệm mầu, học rộng và giải thoát, trong thành có ngôi tháp, là tinh xá Di mẫu của Phật, phía Đông cũng có ngôi tháp, là nhà cũ của Trưởng giả Tu-đạt, Hán dịch là Thiện Thắng. Vì phía Đông nam thành khoảng năm sáu dặm có rừng Thệ-đa, Hán dịch là Thắng Lâm, xưa dịch là Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc: Là thuở xưa Trưởng giả Tu-đạt xây dựng tinh xá để cúng Phật, nay đã hoang tàn, hai bên cửa Đông đều có dựng cột đá cao hơn bảy mươi thước, là do vua Vô Ưu tạo lập. Trưởng giả Tu-đạt có lòng nhân đức và từ bi, hay thương xót cứu giúp người nghèo

khổ cô độc, đương thời vì khen ngợi đức hạnh của ông nên gọi ông là Cấp Cô Độc. Ông nghe nói về công đức của Phật, bèn sinh lòng tôn kính và muốn lập tinh xá thỉnh Phật giảng lâm. Phật bảo Xá-lợi-phất cùng đi với Tu-đạt để xem xét, thì chỉ có rừng Thệ-đa, khu rừng ấy là nơi yên tĩnh. Tu-đạt đến hỏi mua để xây tinh xá, Thái tử cười nói: Nếu ông lót vàng đầy khắp vườn thì tôi mới bán. Tu-đạt nghe xong sinh tâm vui mừng, bèn lấy vàng trong kho đến lót dưới đất theo lời Thái tử Kỳ-đà. Còn một chỗ nhỏ chưa lót vàng, Thái tử xin để lại và nói: Phật đúng là ruộng phước tốt, đáng cho tôi gieo trồng gốc lành, tôi xin cúng phần đất còn lại này, Tu-đạt bèn xây tinh xá ở đây. Phật bảo A-nan: đất vườn là do Tu-đạt mua, rừng cây là của Thái tử Kỳ-đà dâng cúng, hai người đồng tâm gieo công đức, từ đó về sau gọi đất này là rừng cây Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc. Nhưng đối với bậc Thánh thì không có hình dáng phương hướng nhất định, đâu có chỗ nào là thường, chỉ vì khiến cho chúng sinh kính tin mà nói việc cúng vườn, mua đất.

Kinh Hiền Ngụ chép: Đó gọi là nước Xá-vệ, là nước của vua Bạt-tư-nặc, có vị đại thần tên là Tu-đạt-đa, ông rất giàu có và nhân từ, sinh được bảy người con, sáu người đã lấy vợ, chỉ người thứ bảy là chưa lập gia đình, vì muốn chọn cho con một người vợ xinh đẹp, dễ thương nên nhờ các vị Bà-la-môn tìm giúp. Tại thành Vương Xá có một Trưởng giả tên là Hộ Trân, ông chỉ có một cô con gái xinh đẹp không ai bằng, Trưởng giả Tu-đạt-đa bèn đến Vương-xá bàn về việc hôn nhân, đúng lúc nhà này đang sửa soạn thức ăn để hôm sau thỉnh Phật và chúng tăng cúng dường, vì thế không rảnh để tiếp chuyện. Tu-đạt thấy lạ bèn hỏi: Trong nhà đang làm việc gì?

Đáp rằng: Sửa soạn thỉnh cúng Phật.

Tu-đạt vừa nghe đến danh tự Phật thì khắp mình nổi ốc, như có sở đắc, trong tâm thấy vui vẻ, bèn hỏi rằng: Thế nào là Phật? Đáp: Ông không nghe nói sao, đó là con vua Bạch Phạn ở thành Ca-tỳ-la, họ là Cù-đàm, tên Tất-đạt-đa, lúc mới sinh mấy ngày thì thầy tướng số đã đoán sau này sẽ làm Luân vương. Sau đó ngài bỏ cung vua đi xuất gia, tự được giác ngộ, dứt hết tham sân si, trong tâm bình đẳng, thương xót chúng sinh như cha mẹ thương con, tuy hơn tất cả mọi người mà không kiêu mạn, có đủ bốn thứ vô úy, năm trí, Tam-muội, đại từ đại bi và ba niệm xứ nên gọi là Phật. Phật đã nhận lời thỉnh của tôi, cho nên tôi bận rộn không rảnh để tiếp khách. Tu-đạt nói: Lành thay lời của Đại sĩ, Phật đúng là công đức vô lượng, hiện giờ Phật đang ở đâu?

Đáp: Hiện giờ Phật đang ngự trong thành Vương Xá, tại tinh xá

trong vườn trúc Ca-lan-đà. Trong tâm Tu-đạt nghĩ đến Phật và vô lượng công đức của Phật, bỗng nhiên có ánh sáng chiếu rực rỡ như mặt trời, Tu-đạt liền đi theo ánh sáng mà đến cửa thành, do thần lực Như-lai nên cửa thành tự mở, trên đường đi có một ngôi miếu thờ trời, Tu-đạt đến đó lễ bái, tự nhiên thấy đen tối, trong lòng sợ hãi, muốn quay về chỗ cũ. Có một vị thiên thần bảo Tu-đạt rằng: Thừa nhân giả! Ông nên đến chỗ Như-lai sẽ được nhiều lợi ích.

Tu-đạt hỏi: Lợi ích ra sao?

Thiên thần đáp: Thừa Trưởng giả, thí như có người chân thật, bố thí trăm con ngựa giỏi, trăm cỗ xe báu, đúc người bằng vàng số lại gấp trăm, người nữ xinh đẹp thân đeo chuỗi anh lạc, các thứ báu quý giá, cung thất điện đường chạm trổ điêu khắc, mâm vàng chén bạc mỗi thứ một trăm, bố thí cho một người, như vậy lần lượt làm công đức đầy cả Diêm-phù-đề, cũng không bằng có người phát tâm đến chỗ Như-lai.

Tu-đạt hỏi: Nay người thiện nam! Ông là ai?

Thiên thần đáp: Tôi là con của Bà-la-môn Tương Thắng, là thiện tri thức đời trước của ông. Ngày trước tôi gặp Ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, tâm sinh vui mừng, nên khi xả qua đời được làm con của vua trời Tỳ-sa-môn ở phương Bắc, nay chuyên giữ thành Vương-xá này. Tôi gặp ngài Xá-lợi-phất tâm sinh vui mừng mà còn được thân tốt đẹp như vậy, huống chi gặp Như-lai, đáng Pháp Vương vô thượng, Tu-đạt nghe xong liền đến chỗ Phật, trán lễ dưới chân Phật, Phật nói pháp cho ông nghe, ông chứng quả Tu-đà-hoàn, liền thỉnh Phật giáng lâm thành Xá-vệ. Phật dạy: Nước Xá-vệ của ông có tinh xá để dung chứa chúng tăng hay không?

Tu-đạt đáp: Nếu Phật thương xót chấp thuận, con sẽ xây cất.

Phật im lặng đồng ý, Tu-đạt lại thưa: Từ trước đến nay con chưa hề làm việc này, cúi mong Như-lai cho ngài Xá-lợi-Phất đến chỉ dạy cách làm. Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-Phất đi cùng xe với Tu-đạt, do thần lực Phật nên trải qua một ngày một đêm đã đến nước Xá-vệ, Tu-đạt bạch với Xá-lợi-Phất: Ngoài thành này nếu tìm được chỗ nào không gần không xa, có nhiều khe suối và rừng cây hoa quả, mát mẻ thanh tịnh, thì con sẽ xây dựng tinh xá ở đó. Xá-lợi-Phất bảo: Đây chỉ có vườn rừng của Thái tử Kỳ-đà là hợp nhất. Tu-đạt liền đến chỗ Thái tử Kỳ-đà và nói: Tôi muốn xây cất tinh xá để cúng dường Phật, nơi đây chỉ có vườn của nhân giả là xây cất được, tôi muốn mua có được không?

Kỳ-đà cười đáp: Dù cho vàng ròng trải đầy mặt đất tôi cũng không bán.

Tu-đạt đáp: Đất thuộc về tôi, còn Thái tử lấy vàng.

Kỳ-đà đáp: Tôi không bán vườn thì lấy vàng làm gì?

Tu-đạt nói: Nếu ông không đồng ý thì cùng đến chỗ quan phân xử. Rồi hai người cùng đến chỗ quan phân xử, quan phân xử nói: Vườn thuộc về Tu-đạt, Kỳ-đà lấy vàng.

Tu-đạt liền cho xe chở vàng đến lót dưới đất, trong một ngày chở năm trăm xe vàng mà chưa lót khắp, Tu-đạt trầm ngâm suy nghĩ, Kỳ-đà nói: Trưởng giả, nếu ông hối hận thì được pháp hủy bỏ việc này.

Tu-đạt nói: Tôi không hối hận, chỉ suy nghĩ xem phải chở vàng ở kho nào để lót cho đủ. Kỳ-đà tự nghĩ: Đức Như-lai đúng là bậc Pháp Vương vô thượng, pháp Ngài nói chắc chắn là thanh tịnh vô nhiễm, nên khiến người này xem thường của báu như thế, Thái tử liền nói với Tu-đạt: Còn chỗ đất trống không cần lót vàng nữa, tôi xin dâng cúng, tự mình làm cổng tinh xá để cho Như-lai thường ngày ra vào.

Bấy giờ, trong bảy ngày Tu-đạt đã cho xây xong ba trăm căn phòng lớn, thiên đường cùng tịnh thất gồm sáu mươi chỗ, nhà ở mùa đông, mùa hạ tất cả đều đầy đủ. Tu-đạt bưng lư hương từ xa hướng về thành Vương-xá bạch rằng: Tinh-xá xây cất đã xong, cúi mong Như-lai từ bi thương xót các chúng sinh mà ngự đến nơi này. Lúc ấy, Đức Phật đoán biết bèn cùng đại chúng rời thành Vương-xá, chỉ trong phút chốc như thời gian người lực sĩ co duỗi cánh tay mà Phật và đại chúng đã đến tinh xá Tu-đạt rừng Kỳ-đà tại nước Xá Vệ. Phật đã đến rồi, Tu-đạt dâng tinh xá lên cúng dường Như-lai, Phật liền chấp thuận và ngự trong ấy, cho nên nói rằng trụ trong rừng Kỳ-đà vườn ông Cấp Cô Độc.

Lại nữa, theo Tam tạng Chân-đế, như trong kinh chép thì thuở xưa, thời Phật Câu-lưu-tôn, Tu-đạt cũng ở đất này mà xây dựng tinh xá, lúc ấy đất rộng bốn mươi dặm, Tu-đạt tên là Trưởng giả Tỳ-sa, dùng vàng lót đất, y báu trùm lên trên mà cúng dường. Thời Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, Trưởng giả tên là Đại gia chủ, lúc ấy đất rộng ba mươi dặm, thời Phật Ca-diếp cũng lập tinh xá, đất rộng hai mươi dặm, Trưởng giả tên là Đại Quyện, nay vào thời Phật Thích-ca Mâu-ni đất này rộng mười dặm, cũng trải vàng lót đất. Về sau đến thời Phật-Di-lặc đất này rộng bốn mươi dặm, dùng bảy thứ báu để lót đất, bấy giờ Tu-đạt là vua Nhượng-Khư xuất gia tu đạo và đắc quả A-la-hán.

Hỏi: Nêu cả thành vườn, nêu một trong hai thứ là được rồi, cần gì phải nêu cả hai?

Đáp rằng: Chân-đế Ký chép: Trụ xứ có hai, một là cảnh giới xứ, hai là y chỉ xứ. Trụ ở cảnh giới xứ là giáo hóa người tại gia, trụ ở y chỉ

xứ là nhiếp chung chúng xuất gia, khiến cho biết sau cảnh giới trụ xứ là vườn Kỳ-đà để biết y chỉ biệt xứ.

Lại nữa, trong truyện nói ở bên thành này có hai tinh xá, một là Ma-già-la tiểu đường, hai là vườn Cấp Cô Độc, sợ lẫn lộn với tiểu đường nên nêu chỗ vườn.

Nay, tóm lại có tám nghĩa, một là giáo hóa hai chúng xuất gia tại gia, hai là hai người xa gần, ba là phân biệt với xen lạ, bốn là ồn náo vắng lặng đều mất, năm là từ bi và trí tuệ, sáu là đạo thể đạo duyên, bảy là tự lợi lợi tha, tám là thành đạo vô trụ. Tùy theo chỗ ứng nên nêu hai chỗ, du hóa dừng ở là tại, du hóa tại thành, dừng ở tại vườn, cùng nghĩa với chữ Trụ. Trên đây đã giải thích xong Xứ thành tựu thứ năm.

“Cùng đại chúng Bí-sô một ngàn hai trăm năm mươi vị”. Lời thuật chép: Đây là chúng thành tựu thứ sáu, cũng gồm có ba phần, nói về chúng Thanh Văn, nói về chúng Bồ-tát, và nói về chúng trời.

1. Chúng Thanh Văn: tức là cùng đại chúng bí-sô một ngàn hai trăm năm mươi vị, nay trước nói về Thanh Văn, sau nói về Bồ-tát. Nói chữ cùng, là Phật cùng Đại chúng, nói chữ đại là trong chúng toàn những người siêu việt nên gọi là Đại. Lại nữa, chữ Đại, tiếng Phạn là Ma-ha, Hán dịch là Đại, có ba nghĩa: Đại, Đa, Thắng. Nói Đại là chẳng phải hàng Thanh Văn Tiểu thừa, đây được Thiên Vương, Nhân Vương, Đại Nhân cúng dường, lại có tám nghĩa, nên gọi là Đại.

1. Số đại: Như một ngàn hai trăm.
2. Danh đại: Tiếng tám đồn xa.
3. Đức đại: Đây đều là bậc A-la-hán.
4. Ly đại: Dứt bỏ chướng ngại lớn.
5. Tánh đại: Có công đức trí tuệ Ba-la-mật-đa.
6. Thức đại: Được các đại nhân đều biết.
7. Hưởng đại: Hồi hưởng đại Bồ-đề.
8. Địch đại: Có khả năng phá tan ngoại đạo,

Nói Đa, nói Thắng, là đầy đủ trong tám nghĩa này. Bí-sô có ba nghĩa, một là bố ma, hai là Khất sĩ, ba là phá ác.

1. Bố ma: Nghĩa là lúc xuất gia trên làm kinh động cung ma, dưới lợi ích cho chúng sinh, làm cho ma kinh sợ nên gọi là bố ma.

2. Khất sĩ: Là xa lìa bốn thứ tà mạng, nên gọi là Khất sĩ. a) Là hạ khẩu thực: Tức điều chế thuốc thang, làm ruộng trồng cây để có lợi dưỡng tự nuôi thân. b) Là ngưỡng khẩu thực: Tức làm nghề thuật số, ngược lên trời xem tinh tú, đoán hướng tốt xấu để có lợi dưỡng tự nuôi thân. c) Là phương khẩu thực: Tức luôn cúi nịnh bợ những người quyền

thế, múa mép ba hoa, đi sứ cho nước để được lợi dưỡng nuôi thân. d. Là duy khẩu thực, tức tụng chú để bắt loài vật mà tự kiếm sống. Lìa bỏ bốn thứ tà mạng này gọi là Khất sĩ.

3. Pháp ác: Dùng gươm trí tuệ giết chết giặc phiền não, gọi là pháp ác.

Đủ ba nghĩa trên gọi là Tỳ-kheo. Nói Tỳ-kheo, ý nói mền đạo, nơi nơi thường cầm tích trượng đắp y, tăng tướng trang nghiêm như giữ minh châu, khát thực du hóa, xông pha mưa nắng làm lợi ích chúng sinh, đội sương đạp tuyết để độ chúng sinh, có khả năng hàng phục ma quân, phá tan ngoại đạo, nên gọi là giết giặc. Vì hiệu là bố ma, ứng cúng tiếng tôn khắp mười phương, độ người danh vang khắp ba cõi, đồng ngồi giường giải thoát, cùng lên đến núi Niết-bàn, cứu bốn loài dứt bào thai, xa lìa năm sự thiêu đốt, trở về vắng lặng, cho nên gọi là Tỳ-kheo. Nói một ngàn hai trăm năm mươi vị, theo luật và kinh Nhân Quả chép: Lúc đầu, mới thành đạo Phật độ năm vị là Kiều-trần-như, Ma-ha-nam, Bà-đề, Bà-Phu, A-thấp-tỳ, kể đến độ năm trăm vị của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, sau đó độ hai chúng của Già-da Ca-diếp và Na-đề Ca-diếp mỗi chúng hai trăm năm mươi vị, kể là độ hai chúng của Xá-lợi-Phất và Mục-kiền-liên mỗi chúng một trăm vị, sau đó độ Da-xá và mấy mươi vị, cộng chung là một ngàn hai trăm năm mươi vị. Đây chỉ nêu số tròn, hỏi sao không nêu số lẻ? Đáp rằng: Bởi những vị này danh đức đồn xa, thường theo Phật, trước kia đều là ngoại đạo, sau này bỏ tà về chánh. Luận Tỳ-bà-sa chép: Đây có bốn nghĩa: một đều là dòng họ Bà-la-môn tịnh hạnh xuất gia, hai đều là bậc thượng thượng thiện đặc giới, ba đều là bậc đại A-la-hán, bốn, đều là môn đồ lớn của năm vị giáo chủ ngoại đạo. Kinh Hiền Kiếp Định Ý chép: Hội đầu Phật nói kinh có một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo đều được chứng đạo, trong kinh chỉ nêu số người độ ở hội đầu cho nên không có số lẻ. “Đại Bồ-tát tăng cùng các một muôn hai nghìn vị”. Thuật chép: Đây là hiển bày chúng Bồ-tát thứ hai. Theo luận Phật địa chép: Bồ là Bồ-đề, tát là tát-đỏa, Bồ-đề là quả sở cầu, tát-đỏa là người năng cầu, năng và sở cùng nêu, nên gọi là Bồ-tát. Đây cũng có ba nghĩa: Bồ-đề, tát-đỏa và Bồ-đề tát-đỏa.

1. Bồ-đề, Hán dịch là giác, giác là quả sở cầu.

2. Tát-đỏa: Hán dịch là hữu tình, là người năng cầu Bồ-đề.

3. Bồ-đề tát-đỏa: Gọi là mạnh mẽ, cũng gọi là tinh tấn, nên gọi là Bồ-đề tát-đỏa. Nếu gọi đủ theo tiếng Phạn thì nên gọi là Ma-ha Bồ-đề tát-đỏa. Ma-ha là Đại, Bồ-đề là giác, tát là tất cả, đỏa là hữu tình, gọi chung là đại giác tất cả hữu tình, nay nhà phiên dịch ý muốn tỉnh lược

nên gọi là Bồ-tát. Bồ-tát hiện thân trong sáu đường, khen ngợi mười phương, gom nhóm hai không, độ thoát chúng sanh trong năm đường, cho nên dùng trí lực để phá tan phiền não, dứt bỏ ba độc tham sân si, đước tuệ xua tan vô minh, dứt trừ bốn ma, phương trên phương dưới quy y Đại sư ta, hữu hình vô hình đều kính phục, công đức đồn xa chỉ có thể nói lược.

Hỏi: Vì sao nêu chúng Bồ-tát?

Đáp: Vì có ba nghĩa: 1. Là muốn chứng minh A-nan nghe kinh là đáng tin, nếu A-nan cùng người Tiểu thừa nghe pháp Đại thừa thì chưa đáng tin, nay đồng nghe với Bồ-tát nên đáng tin. 2. Là nếu Đức Phật có người Tiểu thừa vây quanh thì đức ấy chưa đáng tôn trọng, có người Đại thừa theo hầu thì Phật mới tôn quý. 3. Là muốn nói đây là kinh Đại Thừa, bởi địa vị Thanh Văn thì không có các Bồ-tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền làm thượng thủ. Đây đã xong phần thứ hai nói về chúng Bồ-tát.

3. Nói về các chúng trời: Xét theo bốn cửa Tam tạng Nhật chiếu, thì có các vị trời ở cõi Đao-lợi, Phạm Ma, Thiên tra phạm ma làm thượng thủ, đây là quảng và lược khác nhau, tóm lại đã nói xong tựa chứng tín, từ đây trở đi là phần tựa phát khởi. “Bấy giờ ở tầng trời Ba Mươi Ba, tại Thiên pháp đường có một vị thiên tử tên là Thiên Trụ”. Lời thuật chép: Đây là tựa phát khởi, trong đây chia làm hai đoạn, một là Thiên Trụ thỉnh, hai là Đế-thích thỉnh.

Từ “Bấy giờ, tầng trời Ba Mươi Ba” cho đến câu “làm sao giúp cho con được thoát khổ này” là Thiên Trụ thỉnh.

Từ câu “Bấy giờ, Đế-thích nghe lời này rồi rất kinh ngạc” cho đến câu “đủ như trên nói” là Đế-thích thỉnh.

Trong phần Thiên Trụ thỉnh lại có mười đoạn: Nêu xứ nêu tên, Đại Thiên dạo hơi, hưởng các sự vui sướng, tiếng trên hư không báo thời hạn, chỉ cho biết thế giới sinh về, chánh thức nói về thân phải thọ, Thiên Trụ kinh sợ, mau đến chỗ Đế-thích, nói lại lời trước và mong được cứu giúp.

Nêu xứ nêu tên: Có ba việc: Nêu cõi trời, nêu tên chỉ chỗ và nêu tên:

1. Nêu cõi trời: Theo luận Câu-Xá và kinh Lô-thán chép: Cõi trời Ba Mươi Ba trụ trên đỉnh núi Tu-di, núi này ở trên lớp vàng giữa biển lớn, cao mười sáu muôn do-tuần, phần ngập trong nước tám muôn do-tuần, phần cao khỏi mặt nước cũng tám muôn do-tuần, do bốn thứ báu hợp thành, bốn phương Đông Tây Nam Bắc đầy vàng, bạc, phệ-

lưu-ly, Phả-chi-ca, ánh sáng oai đức bày rõ châu Thiệm bộ, hư không có sắc phệ-lưu-ly, lại có bảy lớp núi vàng bao quanh, mỗi núi phần chìm trong nước là tám muôn do-tuần, dưới dựa vào lớp vàng, trên vượt khỏi lớp đất.

Lớp núi thứ nhất cao khỏi mặt biển bốn muôn do-tuần, lớp núi thứ hai cao khỏi mặt biển hai muôn do-tuần, lớp núi thứ ba cao khỏi mặt biển một muôn do-tuần, lớp núi thứ tư cao khỏi biển năm muôn do-tuần, lớp núi thứ năm cao khỏi mặt biển một ngàn hai trăm năm mươi do-tuần, lớp núi thứ sáu cao khỏi mặt biển một ngàn hai trăm năm mươi do-tuần, lớp núi thứ bảy cao khỏi mặt biển sáu trăm hai mươi lăm do-tuần, giữa mỗi lớp núi đều có biển nhỏ. Trên đỉnh lớp núi vàng ấy có cây kim cương, và có vị thần Dạ Nhận ở đó, ngoài lớp núi vàng còn có lớp núi Hương Túy. Kinh Lâu Thán chép: Núi Hương Túy, cao năm trăm do-tuần.

Luận Lập Thế A-tỳ-đàm chép: Có bảy loại súc sinh chúa nương ở trong đây...

Luận Câu-xá chép: Phía Nam núi Hương Túy có ao Vô Nhiệt Nảo, phía Nam của ao có núi Đại Tuyết. Kinh Lâu Thán chép: Núi tuyết cao hai mươi lăm do-tuần, phía Nam núi Tuyết có chín lớp Hắc sơn, giữa mỗi lớp núi đều có vô lượng địa ngục. Phía Nam chín lớp Hắc sơn tên là Nam Diêm-phù-đề, phía Tây tên là Tây Cù-đà-ni, phía Bắc tên là Uất-đơn-việt, phía Đông tên là Đông Phát-bà-đề. Luận Câu-xá chép: Núi Tu-di cao mười sáu muôn do-tuần, do bốn thứ báu hợp thành, phía Đông là bạc trắng, phía Nam là Phệ-lưu-ly. Phía Tây là Phả-chi-ca, phía Bắc là vàng ròng, sắc báu hiện ở hư không, cho nên Nam Diêm-phù-đề có màu Phệ-lưu-ly.

Kinh Lâu Thán chép: Bốn phía núi Tu-di đều có biển lớn, trong mỗi biển lớn lại có một cung rộng lớn, trong cung rộng đều có bốn loài noãn sinh, thấp sinh, thai sinh và hóa sinh. Cạnh lớp núi vàng ngoài biển lớn mỗi chỗ đều có một cây tên là Câu-lê-thiểm, cao bốn ngàn dặm, cành lá sum suê che mát được một ngàn dặm, cành phía Đông có cung của chim cánh vàng đầu đàn noãn sinh, bằng bảy thứ báu, mỗi con theo cành phía Đông mà lao xuống biển lớn, bắt lấy các rồng thuộc noãn sinh mà ăn. Cành cây Câu-lê-thiểm ở phía Nam có cung của loài chim cánh vàng đầu đàn thấp sinh, cũng do bảy thứ báu hợp thành, mỗi con lại theo cành phía Nam mà xuống biển lớn, bắt lấy các rồng noãn sinh và thấp sinh mà ăn. Cành cây Câu-lê-thiểm ở phía Tây có cung của loài chim cánh vàng đầu đàn thai sinh, cũng bằng bảy thứ báu, mỗi con

theo phía Tây mà xuống biển lớn, bắt lấy các rồng noãn sinh, thấp sinh và thai sinh mà ăn. Cành cây Câu-lê-thiểm ở phía Bắc có cung của loài chim cánh vàng đầu đàn hóa sinh, cũng bằng bảy thứ báu, mỗi con lại theo cành phía Bắc mà xuống biển lớn, bắt lấy các rồng noãn sinh, thấp sinh, thai sinh và hóa sinh mà ăn, chỉ có mười hai vị đại long vương là không bị chim cánh vàng bắt ăn thịt, luận Câu-xá chép: Núi ấy có bốn tầng cấp, mỗi tầng cấp cách nhau một muôn do-tuần, trên tầng thứ nhất có Kiên Thủ Kim Cương Sơn Trụ, Trên Tầng Thứ Hai Có Trì Man Kim Cương Sơn trụ, trên tầng thứ ba có Hằng Kiêu Kim Cương Sơn trụ, trên tầng thứ tư có cung của bốn vị vua trời.

Luận Câu-xá chép: Phía Đông có cung của vua trời Đê-Đầu-Lại-tra, phía Nam có cung của vua trời Tỳ-lâu-lặc-xoa, phía Tây có cung của vua trời Tỳ-lâu-bác-xoa, phía Bắc có cung của vua trời Tỳ-sa-môn.

Kinh Lôu Thán chép: Cung thành của bốn vị vua trời, mỗi cung thành đều bằng bảy thứ báu, có bảy lớp tường thành, bảy lớp hàng cây, khắp bốn mặt thành mỗi đều có ao báu, bằng vàng ròng. Luận Câu-xá chép: Người ở đây thân cao năm trăm thước, sống lâu năm trăm tuổi, từ cõi bốn vị vua trời đi lên bốn muôn do-tuần thì đến đỉnh núi Tu-di, đỉnh núi mỗi bề rộng tám muôn do-tuần, đất này bằng phẳng, bằng vàng ròng, tô điểm bằng trăm thứ chất báu quý, mềm mại như châu-la-miên, theo bước chân mà lên xuống. Trong ấy có ngôi thành lớn tên là Thiện Kiến, tường thành bằng bảy thứ chất báu.

Kinh Lôu Thán chép: Tường vàng thì cửa bằng bạc, tường bạc thì cửa bằng vàng, bốn mặt thành đều rộng hai ngàn năm trăm do-tuần, chung quanh cao một do-tuần, trong thành có ngôi điện lớn tên là Thù Tuyệt, bởi có đủ các thứ báu quý giá trang nghiêm nên gọi là Thù tuyệt, bốn mặt điện đều rộng hai trăm năm mươi do-tuần, chu vi một ngàn do-tuần, cao một do-tuần rưỡi, tức là điện của Đế -thích ở. Bên ngoài bốn mặt thành, mỗi mặt có một khu vườn, cạnh mỗi vườn có ao đều tên là Diệu Trì, mỗi bề rộng hai ngàn do-tuần, là chỗ các vị trời dạo chơi. Bên ngoài vườn về phía Đông Bắc có loại cây tên Viên Sinh, cao một trăm do-tuần, bóng mát che năm mươi do-tuần, nếu lúc không có gió thì chỉ che mát năm mươi do-tuần.

Hỏi: Bóng cây chỉ năm mươi do-tuần, sao có thể lay động đến một trăm do-tuần?

Đáp: Nếu lúc thuận gió thì được một trăm do-tuần, nếu không có gió thì che được năm mươi do-tuần. Đây đã xong phần nêu cõi trời thứ nhất.

2. *Chỉ chỗ*: Tức là là Thiện Pháp. Bên ngoài thành về phía Tây nam có một ngôi nhà tên là Thiện Pháp, là nơi mà các vị trời cùng bàn luận về việc thiện ác của chúng sinh, nên gọi là nhà Thiện Pháp. Vào ngày mười lăm hàng tháng, các vị trời cùng ở đây bàn luận việc đúng pháp và không đúng pháp của chúng sinh, nếu nghe chúng sinh làm lành thì các vị trời vui mừng nói rằng: Cõi trời chúng ta dần đông đảo và cõi Tu-la thì giảm bớt; nếu nghe chúng sinh làm ác, thì các vị trời buồn khổ nói rằng: Cõi trời giảm bớt mà Tu-la đông thêm.

Kinh Đề-vị chép: Một năm chia làm ba mùa, mỗi tháng sáu lần tâu lên tức là sáu ngày trai.

Luận Trí Độ chép: Ngày mồng tám là ngày Thái tử của bốn vị vua trời xuống, ngày mười lăm là Đế-thích tự xuống, ngày hai mươi ba là Thái tử xuống, ngày hai mươi chín là bốn vị vua trời xuống, ngày ba mươi là Đế-thích xuống, các quỷ thần ghi chép tội phước và tâu lên Thiên Tào, Thiên-đế và tầng trời Ba Mươi Ba ở trong nhà Thiện pháp bàn luận việc đúng pháp và không đúng pháp. Nếu người làm phước thì ghi vào sổ phước, là người tinh tấn được tăng thêm tuổi thọ, lại khiến các thiện thần ủng hộ người ấy. Nếu người gây tội thì ghi vào sổ tội, giao cho địa ngục tính toán giảm tuổi thọ, các quỷ ác thường theo phá hoại, đây đã xong phần nói về xứ.

3. *Nêu tên*: Có một vị thiên tử tên là Thiện Trụ, đây là một trong số các tầng trời này, cung Đế-thích ở giữa, bốn bên mỗi bên có tám cõi trời, cộng chung là ba mươi ba cõi. Luận Câu-xá chép: Người ở cõi này thân cao nửa Câu-lô-xá, tức một ngàn thước. Kinh Lô Thán chép: Bốn mặt bên ngoài thành Thiện Kiến mỗi mặt đều có một khu vườn, phía Đông thành là vườn Tho Ác, phía Nam thành là vườn Chúng Xa, phía Tây thành là vườn Tạt Lâm, phía Bắc thành là vườn Hí Lâm.

Vườn Tho Ác: Là ở trong vườn này chiến đấu, thân thô kệch cao lớn, vườn này bằng bảy báu, trong vườn có cây tên Hương Thọ, Y thọ, Anh lạc thọ, Bảo khí thọ, Nhạc thọ, Phạn thực thọ. Nếu lúc cần hương thơm thì đứng dưới cây hương khiến cầu liền được ít nhiều theo ý muốn, nếu cần Anh lạc thì đến dưới cây Anh lạc khẩn cầu liền được như ý, nếu lúc cần vật báu thì đến dưới cây bảo khí khẩn cầu liền được như ý. Nếu lúc cần ăn uống thì đến dưới cây Phạn thực khẩn cầu liền được như ý. Thức ăn của các vị trời gồm có ba hạng, người phước đức bậc thượng thì thức ăn màu trắng, người phước đức bậc trung thì thức ăn màu đỏ, người phước đức bậc hạ thì thức ăn biến thành màu xanh. Nếu lúc cần nhạc khí thì đến dưới cây Nhạc thọ mà lấy liền được như ý. Trong vườn còn

có ao, tô điểm bằng bảy thứ báu, có hai cái trống bằng vàng, để các vị trời cõi Ba Mười Ba dạo chơi.

Vườn Chúng Xa ở phía Nam thành, là dạo chơi trong vườn này bằng xe, có một ngàn cỗ xe ngựa, trang nghiêm bằng bảy thứ báu, cũng có Hương thọ, Y thọ, Anh lạc thọ, cũng có ao bảy báu và ba đài bằng vàng, các thứ trang nghiêm gấp bội vườn Thô ác.

Vườn Tạt Lâm ở phía Tây thành, các thứ trang nghiêm tốt đẹp hơn hai khu vườn trước.

Vườn Hý Lâm ở phía Bắc thành, cũng có các cây báu và ao báu, trong ao có ba đài bằng vàng, các thứ trang nghiêm gấp bội hơn trước. Bốn khu vườn như vậy, là nơi mà Đấng-thích và các vị trời ở cõi Ba Mười Ba dạo chơi hưởng vui sướng với các thiên nữ, ngoài ra các vị trời ít phước đức không được vào đây, cho nên nói rằng: Dạo chơi trong vườn với các vị trời có phước đức. Các vị trời ít phước đức.

Ở bên ngoài bốn vườn này thọ hưởng vui sướng.

“Các thứ âm nhạc cùng hòa vui, hưởng các vui sướng”. Lời thuật chép: Đây là phần thứ ba hưởng các vui sướng.

Kinh Lâu Thán chép: Ở tầng trời này, lấy tất cả nhạc khí dưới cây Nhạc thọ mà vui đùa với nhau, thọ hưởng vui sướng.

“Bấy giờ, vào nửa đêm, Thiên tử Thiện Trụ nghe có tiếng nói: Thiện Trụ bảy ngày nữa sẽ qua đời”. Lời thuật chép: Đây là tiếng trên hư không báo thời hạn thứ tư.

Trong văn kỳ hạn có hai ý, ban đầu là định thời khắc, sau là báo thời hạn. Định thời khắc, tức là nửa đêm ngày ấy, báo thời hạn, tức bảy ngày nữa sẽ qua đời.

Hỏi: Tầng trời này tự có ánh sáng, không nhờ mặt trời, mặt trăng, sao trong kinh nói là vào lúc nửa đêm?

Đáp: Tầng trời này tự có ánh sáng, ngày đêm đều như nhau, không cần mặt trời mặt trăng, nhưng lấy việc hoa nở chim hót làm ngày, hoa khép chim nghỉ làm đêm. Nói vào ban đêm, tức lúc hoa khép chim nghỉ; nói báo thời hạn, tức là bảy ngày nữa sẽ chết.

Hỏi: Các vị trời sắp chết có tướng mạo gì?

Đáp: Gồm có hai hạng: một là năm tướng suy nhỏ hiện, hai là năm tướng suy lớn hiện. Luận Câu-xá chép: năm tướng suy nhỏ hiện là:

1. Y phục đều phát ra các âm thanh khó nghe.
2. Ánh sáng trên thân yếu đi.
3. Mồ hôi thấm ướt thân.
4. Tâm mê đắm một cảnh.

5. Mắt bị nháy.

Nếu năm tướng suy nhỏ này hiện thì chưa hẳn là chết, nếu năm tướng suy lớn hiện thì chắc chắn là chết, năm tướng suy lớn này trong Kinh Nhân Quả chép là:

1. Hoa trên đầu chột héo.
2. Dưới nách ra mồ hôi.
3. Thân có mùi hôi.
4. Không thích chỗ ngồi của mình nữa.
5. Mắt bị nháy.

Lúc năm tướng này hiện thì chắc chắn phải chết, kinh này tuy không có văn y cứ nhưng hợp nghĩa lại thì thích ứng, nên xét kỹ.

“Sau chết sinh về châu Thiệm-bộ”: Lời thuật chép: Đây là phần chỉ cho biết cõi sinh về thứ năm.

Luận Câu-xá chép: Nói châu Thiệm-bộ: Ở phía Nam núi Tu-di có ngọn núi tên là Hương Túy, phía Nam núi Hương Túy có núi Đại Tuyết, phía Bắc núi Tuyết và phía Nam núi Hương Túy có ao Vô Nhiệt Nảo, bên cạnh ao có cây tên là Thiệm-bộ, cây này cao lớn, quả có vị rất ngọt, y theo cây này nên gọi là châu Thiệm bộ. Kinh Lâu Thán chép: Phía Nam núi Tu-di gọi là Nam Diêm-phù-đề, phía Tây gọi là Tây Cù-đà-ni, phía Bắc gọi là Bắc Uất-đơn-việt, phía Đông gọi là Đông Phất-bà-đề.

Cõi Diêm-phù-đề ở phía Nam: Rộng hai mươi tám muôn dặm, trên rộng dưới hẹp, có sáu muôn núi non và năm trăm sông lớn, con người thọ một trăm hai mươi tuổi. Người giữ năm giới thì được sinh về cõi này, thân cao ba hoặc bốn khuỷu tay, vào thời kỳ đầu được sống lâu, đến cuối kiếp thì rút ngắn cho đến chỉ còn mười tuổi.

Châu Cù-đà-ni ở phía Tây: Rộng ba mươi hai muôn dặm, đất hình tròn, con người thọ hai trăm năm mươi tuổi, người tu thập thiện phẩm hạ hạ được sinh về cõi này, thân cao mười sáu khuỷu tay.

Châu Uất-đơn-việt ở phía Bắc rộng bốn mươi muôn dặm, đất hình vuông, con người sống đến ngàn tuổi, người tu thập thiện phẩm hạ thượng được sinh về cõi này, thân cao ba mươi ba khuỷu tay.

Châu Phất-bà-đề ở phía Đông rộng ba mươi sáu muôn dặm, đất hình bán nguyệt, con người sống năm trăm tuổi, người tu thập thiện phẩm hạ trung được sinh về cõi này, thân cao tám khuỷu tay. Châu Thiệm bộ ở phía Nam là một trong bốn châu.

“Bảy lần làm thân súc sinh, tức chịu khổ địa ngục, từ địa ngục ra được sinh làm người và sống ở chỗ nghèo hèn, ở trong thai mẹ đã không có hai mắt”. Lời thuật chép: Đây là nói về thân phải chịu thứ sáu.

Trong văn chia làm bốn: Làm súc sinh, chịu khổ địa ngục, làm người, và sinh vào chỗ nghèo hèn, lúc nào trong thai đã không có hai mắt. Nếu muốn nói rộng về nhân duyên, có Bà-la-môn kể lại đời quá khứ Thiện Trụ vì ở trong thai mẹ mà khởi sân nên bị quả báo, như trong biệt sao có ghi.

“Bấy giờ, Thiên tử Thiện Trụ nghe tiếng báo trên hư không rồi liền sợ hãi, mình mẩy nổi ốc, lo buồn không vui”. Lời thuật chép: Đây là phần Thiện Trụ kinh sợ thứ bảy.

“Liên vội đến chỗ Đế-thích buồn bã khóc lóc, hoảng sợ không biết tính sao, rồi đánh lễ Đế-thích”: Lời thuật chép: Đây là đến chỗ Đế-thích thứ tám.

“Thưa với Đế-thích rằng: Xin nghe lời tôi nói: Tôi và các thiên nữ vây quanh hưởng những sự vui sướng, bỗng nghe trên hư không có tiếng nói: Thiên tử Thiện Trụ, bảy ngày nữa ông sẽ qua đời, sinh xuống châu Thiệm-bộ, bảy lần làm thân súc sinh, sau đó đọa vào địa ngục chịu khổ, từ địa ngục ra được làm người, sinh vào nhà nghèo hèn, không có hai mắt”. Lời thuật chép: Đây là phần thuật lại lời trước thứ chín.

“Tôi phải làm sao để được thoát khổ này”. Lời thuật chép: Đây là phần mong được cứu vớt thứ mười.

Trên đây có mười đoạn khác nhau, tóm lại đã xong phần thứ nhất thiên tử Thiện Trụ thỉnh Đức Thế Tôn nói, dưới đây là phần trời Đế-thích nói.

“Bấy giờ, Đế-thích nghe Thiên Tử Thiện Trụ nói xong rất đổi kinh ngạc”. Lời thuật chép: Đây là thứ hai Đế-thích hỏi, gồm có mười đoạn văn kinh: Nghe xong kinh ngạc, suy nghĩ thọ thân gì, nhập định quán sát, biết đầy đủ chỗ thọ sinh, đau xót tim gan, mong cầu Như-lai, Đế -thích cúng dường, cung kính đến chỗ bậc Thánh, hiến cúng lên Phật, và trình bày đầy đủ những điều đã nghe, bảy lần thọ sinh. Đây là phần thứ nhất nghe xong kinh ngạc.

“Đế Thích liền nghĩ thiên tử Thiện Trụ này thọ thân gì bảy lần trong đường ác?”. Lời thuật chép: Đây là nói suy nghĩ làm thân gì thứ hai.

“Bấy giờ, Đế-thích trong chốc lát liền ngồi yên nhập định quán sát”. Lời thuật chép: Đây là thứ ba nhập định quán sát.

“Liên thấy thiên tử Thiện Trụ sẽ đọa trong đường ác bảy lần, đó là heo, chó, dã can, khỉ, rắn, rắn, chim ưng, ăn các vật hôi thúi bất tịnh”. Lời thuật chép: Đây là biết chỗ thọ thân thứ tư.

Đế-thích thấy thiên tử Thiện Trụ sẽ làm bảy thân súc sinh là heo,

chó, dã can, khỉ, trăn, rắn, chim ưng, ăn các vật hôi thúi bất tịnh.

Luận Đại Trí Độ chép: Do tà kiến và kiêu mạn nên làm chó.

Kinh Đề-vị chép: Do ngu si luống thọ bốn sự cúng dường của tín thí nên làm heo.

Kinh Pháp Hoa chép: Do chê bai kinh này nên làm các thân chó, heo, dã can.

Lại nói: Do uống rượu tạo nghiệp si mê nên phải làm heo.

Kinh Đề-vị chép: Do ác khẩu và keo kiệt nên làm chó.

Luận Đại Trí Độ chép: Do khinh mạn người lành nên làm dã can.

Kinh Đề-vị chép: Do nói lời gian xảo nên làm dã can. Quách Phác nói: Dã Can lớn hơn con cáo, lại biết leo cây.

Luận Đại Trí Độ chép: Do lẳng xăng nhảy nhót nên làm thân khỉ.

Kinh Đề-vị chép: Do rong chơi buông lung nên phải làm khỉ.

Luận Đại Trí Độ chép: Do nặng về tức giận nên làm rắn độc.

Nhĩ Nhã chép: Trăn đứng đầu các loài rắn.

Quách Phác nói: Vì trăn lớn nhất trong các loài rắn nên đứng đầu.

Hỏi: Do đâu mà các thân súc sinh có lông, cánh.

Đáp: Luận Đại Trí Độ chép: Do thọ xúc vui sướng nên thân có lông, cánh, bởi trước kia Thiện Trụ có tạo nghiệp này nên chịu quả báo như vậy.

“Bấy giờ, Đế-thích quán sát thấy thiên tử Thiện Trụ sẽ đọa làm thân súc sinh bảy lần, trong tâm đau xót suy nghĩ không cách gì cứu vớt”. Lời thuật chép: Đây là thứ năm đau xót tim gan.

“Chỗ nào để quy y, chỉ có Đức Như-lai Ứng chánh Đẳng giác mới giúp cho Thiện Trụ được thoát khổ này”. Lời thuật chép: Đây là thứ sáu mong cầu Như-lai.

“Bấy giờ, Đế-thích ngay đêm ấy liền cầm các tràng hoa, hương thoa, hương bột, y trời trang nghiêm nhiệm mầu”. Lời thuật chép: Đây là thứ bảy Đế-thích cúng dường, có năm thứ, tràng hoa, hương thoa, hương bột, y trời và anh lạc.

Tràng hoa: Nước Tây Vực xâu hoa thành chuỗi, gọi là tràng hoa.

Hương thoa, hương bột, trên cõi trời này có cây hương, nên lấy hương trên cây tùy ý mà cúng dường.

Luận Đại Trí Độ chép: Ở cõi trời này có cây tên là y thọ, nếu lúc cần y thì đến dưới cây này lấy y để thọ dụng, y này mầu trắng như băng

mởng.

Kinh Lôu Thán chép: Thiên y ở cõi trời Đạo-lợi nặng sáu thù rười.

Kinh Lôu Thán chép: Ở tầng trời này có cây anh lạc, tùy ý mà lấy, không có các khổ.

“Đi đến chỗ Thế tôn ở rừng Thệ-đa, đến rồi đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh bảy vòng” Lời thuật rằng: Đây là thứ tám cung kính đến chỗ bậc Thánh. Nói bảy vòng, theo Kinh ĐỀ-vị chép: ứng với bảy pháp giác chi.

“Tức ở trước Phật rộng cúng dường”. Lời thuật rằng: Đây là thứ chín dâng hiến trước Phật.

“Đến trước Phật quỳ gối bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn ! Thiên tử Thiện Trụ vì sao phải bảy lần làm thân súc sinh trong đường ác v.v... nói đầy đủ như trên”. Lời thuật chép: Đây là nói đầy đủ bảy lần thọ sinh thứ mười.

Trên đây tuy có nhiều văn không giống nhau, nhưng đều nói chung về phần nhân duyên khởi giáo thứ nhất.

“Bấy giờ, trên đảnh Như-lai phát ra các thứ ánh sáng trùm khắp mười phương, tất cả thế giới đều thấy, rồi ánh sáng lại trở về nhiễu quanh Phật ba vòng rồi vào miệng Phật, Phật liền mỉm cười”.

Lời thuật chép: Đây là phần thứ hai trong đại văn, Như-lai chính thức đáp, tức là phần Thánh giáo sở thuyết. Từ lúc ĐẾ-thích đi từ cung báu đến chỗ Như-lai, chẳng phải thực hiện riêng cho Thiện Trụ, mà thấm nhuần cả đến đời vị lai, cho nên có việc trên đảnh phát ra ánh sáng, miệng mỉm cười, hễ hỏi đâu thì đáp đó, không gì lớn hơn ở đây, nhưng lời văn thì nhiều, ở đây chia làm mười bốn đoạn: Một là hiện tượng nói lên sự nhiệm mầu, hai là nêu danh bày đức, ba là ĐẾ -thích lại thưa hỏi, bốn là Phật trả lời, năm là lại hiển bày thần thông, sáu là bảo trao cho, bảy là trình bày rộng nhiều phước, tám là xây tháp tôn kính người, chín là thanh tịnh hộ trì, mười là vua trời lại thưa hỏi, mười một là Như-lai trả lời, mười hai là sơ lược hiển bày sự oai nghiêm, mười ba là chỉ bày nghi quỹ khiến thọ trì, mười bốn là nêu công đức trao cho.

1. Hiện tượng nói lên sự nhiệm mầu: Trong văn có ba: Là phát ra ánh sáng, thân lại ánh sáng và mỉm cười.

1) **Phát ra ánh sáng:** Kinh Quán Phật Tam-muội chép: dùng ba thứ để độ người, một là danh tự, hai là nói pháp, ba là ánh sáng. Nay Phật muốn độ chúng sinh nên phát ra ánh sáng.

2) **Thân lại ánh sáng:** luận Địa Trì chép: Ánh sáng của các Đức

Phật có tám nghiệp: Một là giác nghiệp, hai là nhân nghiệp, ba là quỵện thư nghiệp, bốn là chánh nghiệp, năm là hàng phục nghiệp, sáu là kính nghiệp, bảy là thị hiện nghiệp, tám là thỉnh nghiệp.

1. Giác nghiệp, là phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu soi các Bồ-tát, Như-lai liền phát ra ánh sáng hộ niệm.

2. Nhân nghiệp, là có vô lượng A-tăng-kỳ tia sáng làm quỵện thuộc.

3. Quỵện thư nghiệp, là các Đức Như-lai phát ra ánh sáng rực rỡ vô lượng A-tăng-kỳ thế giới, lại trở về chỗ Phật.

4. Chánh nghiệp: Là các Đức Như-lai phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp ba đường, tất cả đường ác đều được dứt khổ.

5. Hàng phục nghiệp, là các Đức Như-lai phát ra ánh sáng rực rỡ, làm cho ma kinh sợ, không thể phá hoại sự hóa độ chúng sinh.

6. Kính nghiệp, là các Đức Như-lai phát ra ánh sáng rực rỡ, hiện thần lực không thể suy nghĩ, bàn luận, khiến cho người cung kính.

7. Thị hiện nghiệp: Là các Đức Như-lai phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp các đại hội khiến người được thấy.

8. Thỉnh nghiệp, là ở trong ánh sáng phát ra tiếng nói kệ, cho nên có bài tụng rằng:

Giác, nhân, quỵện thư, chánh, hàng phục.

Kính nghiệp, thị hiện, và thỉnh nghiệp.

Đây là tên tám nghiệp.

Hỏi: Tại sao lúc nói Kinh Pháp Hoa, Phật phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày, nay nói kinh này lại phát ra ánh sáng trên đỉnh?

Đáp: Sự biểu hiện mỗi lần có khác nhau, cho nên phát ra ánh sáng cũng khác nhau. Kinh Báo Ân chép: Như-lai có tám chỗ phát ra ánh sáng, mỗi chỗ khác nhau, một là dưới chân, hai là trên đầu gối, ba là âm tàng, bốn là rốn, năm là trước ngực, sáu là miệng, bảy là giữa hai đầu chân mày, tám là trên đỉnh.

1. Phát ra ánh sáng dưới chân chiếu đến tất cả địa ngục.

2. Phát ra ánh sáng trên đầu gối chiếu đến loài súc sinh.

3. Phát ra ánh sáng từ âm tàng chiếu đến loài A-tu-la.

4. Phát ra ánh sáng từ rốn chiếu đến loài ngạ quỷ.

5. Phát ra ánh sáng trước ngực chiếu đến cõi Đại thiên.

6. Phát ra ánh sáng từ miệng soi chiếu hàng Tam-thừa.

7. Phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày soi chiếu các Bồ-tát Đại thừa.

8. Phát ra ánh sáng trên đỉnh chiếu khắp tất cả sáu đường trong

mười phương, biểu hiện Đà-la-ni tối tôn tối thượng.

Luận Đại Trí Độ chép: Như-lai phát ra ánh sáng từ tám chỗ, ở mỗi chỗ có sáu trăm ngàn muôn ức tia sáng, trong mỗi tia sáng đều có tám nghiệp.

3) Mỉm cười, Kinh Bồ-tát Xử Thai chép: Như-lai mỉm cười có nhiều ý nghĩa, thấy người sinh lên cõi Phạm thiên Phật mỉm cười, thấy làm vua Chuyển Luân Phật cũng mỉm cười, thấy làm lính ngục Phật cũng mỉm cười, thấy làm nạ quý Phật cũng mỉm cười, thấy làm súc sinh Phật cũng mỉm cười, cho đến vào địa ngục đều chẳng phải là giải thoát, Như-lai cũng mỉm cười.

Hỏi: Như-lai có lòng đại bi, tại sao nghe chúng sinh khổ mà mỉm cười?

Đáp: Chúng sinh sinh vào các đường có nhiều trường hợp khác nhau, có người do bị khổ mà tu điều lành, có khi do vui mà gây ra điều ác, nay chúng sinh do tham hưởng sự vui ở đời nên ngày sau đọa vào đường ác thì Phật không vui, nếu thấy chúng sinh tuy chịu các khổ mà có thể tinh tấn thì Phật liền vui mừng. Cho nên kinh Pháp Hoa chép: Đời nay đời sau biết đúng như thật.

Lại nữa, Luận Địa Trì chép: Có khi hiện tại hưởng vui, đời khác chịu khổ, có khi hiện tại chịu khổ mà đời khác cũng hưởng vui, có khi hiện tại hưởng vui đời khác cũng hưởng vui, có khi hiện tại chịu khổ đời khác chịu khổ.

Hiện tại hưởng vui đời khác chịu khổ: Là do hiện tại sát sinh, gây ra mười nghiệp ác, tuy hiện tại hưởng sự vui nhỏ mà đời sau phải đọa vào đường ác.

Hiện tại hưởng vui đời khác cũng hưởng vui: Là do tâm ưa giữ giới, hiện tại an ổn đời sau được vui, hiện tại chịu khổ đời khác chịu khổ, đó là các hàng ngoại đạo tà kiến, hoặc hơ thân bằng năm thứ lửa nóng là hiện tại chịu khổ, đời sau đọa vào đường ác chịu khổ. Như Kinh Bồ-tát Xử Thai chép: Thuở quá khứ, Đức Phật vì cầu pháp mà đến một ngọn núi, thấy có ngàn người ngoại đạo nhóm họp tại một nơi, thực hành khổ hạnh mà cầu pháp, hoặc có người thường đứng một chân, di chuyển bằng một chân, hoặc có người nằm trên gai góc, hoặc có lúc ăn cát, hoặc quán tưởng làm nai, ngựa, trâu, heo, chó, hoặc nhảy xuống vực sâu, hoặc ôm đá tự nhận chìm, hoặc hơ thân bằng năm nguồn nhiệt, hoặc tự cắt các chi tiết trong thân, hoặc bỏ não đốt đèn, hoặc nhảy vào vạc nước sôi, hoặc sát sinh bên bờ sông, đứng bên hồ phát nguyện, hoặc trói cha mẹ xô vào lửa để được sinh lên cõi Phạm Thiên, hoặc ăn phần

nhớ, hoặc ăn dưa trái, hoặc bảy ngày ăn một bữa, hoặc dùng lá cây làm y phục, hoặc dùng đầu lâu làm chuỗi anh lạc, hoặc dùng đầu lâu làm vật đựng thức ăn, hoặc nuốt kim đâm vào tim cho đó là giữ giới, nhóm họp tại một chỗ phá ruột lẫn nhau rồi dùng nước tẩy rửa, nói là trừ tà cấu. Đây đều là hiện tại chịu khổ, đời khác chịu khổ, trên đây đã xong phần thứ nhất hiện tượng biểu hiện sự nhiệm mầu.

2. “Phật bảo Đế-thích rằng: Này Thiên-đế! Có Đà-la-ni tên là Như-lai Phật Đản Tôn Thắng, có công năng làm thanh tịnh tất cả đường ác”.

Lời thuật chép: Đây là nêu danh bày đức thứ hai.

Trong đây có mười bốn đoạn văn kinh: Là nêu danh nêu đức, trừ sạch sinh tử, phá khổ hồi hướng, nghe thần chú được diệt độ, lược hiển bày chỗ sinh thù thắng, nhớ nghĩ tăng tuổi thọ, ba nghiệp thanh tịnh, Như-lai quán sát, thiên thần hộ vệ, được người cung kính, chướng ác tiêu diệt, Bồ-tát che chở, đọc tụng trừ khổ và được sanh về cảnh giới tốt đẹp.

1. Nêu danh nêu đức: Đầu tiên nêu danh, sau đó bày đức, nêu danh tức là Đà-la-ni Phật Đản Tôn Thắng, bày đức tức là dứt trừ tất cả đường ác.

2. “Trừ sạch tất cả sinh tử khổ não”. Lời thuật chép: Thứ hai là dứt sạch sinh tử. Đây là lược nêu sự khổ trước và sau, nếu nói đầy đủ thì phải nói: sinh, già, bệnh, chết. Kinh Niết-bàn chép: Phật bảo vua Ba-tư-nặc rằng: Có bốn ngọn núi lớn từ bốn phương chuyển dịch đến đè ép vua, thì vua sẽ làm sao?

Vua Ba-tư-nặc đáp: Không thể chạy trốn, chỉ biết chuyên tâm bố thí, giữ giới.

Phật dạy: Lành thay! Đại vương! Ta nói bốn ngọn núi ấy, tức chúng sinh bị sinh, già, bệnh chết thường đến có mặt, tại sao không thực hành bố thí, giữ giới.

Vua hỏi: Bố thí, giữ giới được quả báo gì?

Phật dạy: Sẽ sinh lên cõi trời, cõi người, hưởng nhiều sự vui sướng.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Bốn phương: Sinh là phương Đông, già là phương Nam, bệnh là phương Tây, chết là phương Bắc.

Lại nói: Không hiểu không biết, không kinh không sợ, lửa đến bức bách thân.

Giải thích: Không hiểu là không hiểu khổ sinh, không biết là không biết khổ già, không kinh là không kinh bệnh khổ, không sợ là

không sợ khổ chết. Lửa đến ép ngặt thân, là lửa vô thường.

Vậy làm sao biết được? Kinh Di Giáo chép: Lửa đốt các thế gian, phải nhớ nghĩ vô thường. Như cứu lửa cháy đầu mà sớm cầu giải thoát. Nay lược giải thích sinh, già, bệnh, chết: Nói về sinh tử, thì Đại thừa Tiểu thừa có sự khác nhau. Như luận Duy Thức cho rằng thức A-lại-da thứ tám thọ sinh, nếu theo luận Câu-xá thì thức thứ sáu thọ sinh. Nay giải thích rằng: Do ý thức thứ sáu khởi ái mà dẫn hạt giống A-lại-da hiện hành, cho nên thọ sinh.

Lại nữa, theo luận Câu-xá thì bốn loài trong sáu đường đều có thân trung ấm, do thân trung ấm khởi ái cho nên thọ sinh, trong thân này bảy ngày thay đổi một lần, cho đến bốn mươi chín ngày. Lại nói rằng: Khi chết đầu thai phải có đủ ba duyên, một là cha mẹ phối hợp, hai là cha mẹ khởi dục, ba là thành Càn-thát-bà cũng gọi là trung ấm.

Hỏi: Vì sao gọi thân trung ấm là thành Càn-thát-bà?

Đáp: Vì thân này ăn mùi nên gọi là thành càn-thát-bà, thân trung ấm chỉ ăn mùi còn các vật khác thì không ăn. Nếu người có phước đức thì ăn mùi thơm ngon, nếu người kém phước đức thì ăn mùi xú ối, bởi thường tìm mùi nên gọi là thành Càn-thát-bà.

Hỏi: Thân ấy lớn hay nhỏ?

Đáp: Thân này lớn khoảng đũa trẻ sáu bảy tuổi, nếu trung ấm sinh cõi trời thì đầu hướng lên chân chúc xuống, nếu là trung ấm đọa địa ngục thì đầu chúc xuống, chân hướng lên.

Hỏi: Phải làm thân trung ấm trong thời gian bao lâu?

Đáp: Lâu nhất là bốn mươi chín ngày, bảy ngày đổi thân một lần, trong bốn mươi chín ngày đổi thân bảy lần, nếu qua bốn mươi chín ngày mà không được thọ sinh thì liền biến trong các loài súc sinh mà thọ sinh. Nếu trung ấm nhằm mùa Xuân thì thọ thân trong thai ngựa, vì sao? Mùa Xuân là lúc loài ngựa hành dâm dục, nếu trung ấm nhằm mùa Hạ thì thọ thân trong thai trâu, bởi mùa hạ là lúc loài trâu hành dâm dục, nếu trung ấm nhằm mùa thu thì thọ thân trong loài chó, bởi mùa Thu thì loài chó hành dâm dục, nếu trung ấm thọ thân nhằm mùa Đông thì thọ thân trong loài gấu, bởi mùa Đông là lúc loài gấu hành dâm dục. Nếu thân trung ấm thọ thân không nhằm giữa bốn mùa, thì thọ thân trong loài trâu hoang, ngựa hoang, chó hoang, và đầu thai vào thai người hành dâm dục không đúng lúc.

Hỏi: Thọ sinh có mấy thứ?

Đáp: Thọ sinh có bốn thứ, là thọ sinh bằng trứng, thọ sinh bằng thai, thọ sinh nơi ẩm thấp, và thọ sinh bằng biến hóa. Bốn cách thọ sinh

này đều từ thức thứ sáu khởi ái mà bắt đầu thọ sinh.

Hỏi: Nếu hóa sinh sinh vào địa ngục, thì thấy đầy đủ sự khổ, làm sao khởi ái mà thọ sinh.

Đáp: Do chỗ ái cho nên thọ sinh, vì sinh điên đảo nên vọng thấy tất cả lửa dữ có ánh sáng rực rỡ, từ đây sinh ái lạc liền thọ sinh.

Hỏi: Loài thấp sinh ra sao?

Đáp: Bởi ưa thích mùi cho nên sinh nơi ẩm thấp, nếu người có phước đức thì thích mùi thơm, hoặc mùi là sự thanh tịnh, vì sinh cho nên thọ thân trong ấy. Nếu người kém phước đức thì dùng mùi hôi làm hương, hoặc dùng sự bất tịnh làm hương, bởi sinh ái nên liền thọ thân trong ấy.

Hỏi: Loài noãn sinh thế nào?

Đáp: Noãn sinh là do chúng sinh ham thích chỗ chơi đùa, cho nên thọ thân vào loài sinh bằng trứng. Nếu người có phước đức thì vọng thấy các vườn rừng, điện đường, dạo chơi tự tại và liền thọ sinh trong ấy. Nếu người kém phước đức thì vọng thấy các sự ép ngặt khổ não, hoặc thấy gió mạnh, hoặc thấy mưa lớn, liền xuống giếng hoặc vào trong nhà, hoặc ẩn nấp giữa lá cây, bèn cho là an ổn và khởi ái liền thọ sinh.

Hỏi: Loài thai sinh thế nào?

Đáp: Vì ái dục cho nên sinh bằng bào thai, nếu là nam thì khởi tâm ái người mẹ, nếu là nữ thì khởi tâm ái người cha, thân trung ấm đều có hai tướng nam nữ này, và khi thấy cha mẹ hành dâm dục chất bất tịnh chảy ra, thì trong tâm vui mừng, tự nghĩ tưởng bất tịnh, bèn gá sinh vào chỗ bất tịnh này mà thọ thân, đây chỉ trong một sát-na liền thọ thai, thí như con sâu lá thì nướng vào lá, dòi bọ thì nướng vào phân mà thọ sinh, hạt giống thọ thai cũng nướng vào tinh huyết mà thọ thân.

Lại nữa, luận Du-già chép: Trong thai có năm giai đoạn: Một là bảy ngày yết-la-lam, hai là bảy ngày át-bộ-đà, ba là bảy ngày bế-hộ, bốn là bảy ngày kiện-nam, năm là bảy ngày bát-la-xa-khư...

1. Yết-la-lam, Hán dịch là ngưng tô, là thời kỳ thai nhi bắt đầu thọ sinh cho tới ngày thứ bảy, do cha mẹ vọng tưởng mà tinh huyết ngưng chảy, giống như lớp váng mỏng đông trên sữa, như nhựa đặc kết nhóm.

2. Át-bộ-đà: Hán dịch là kết bọt, là trên tinh huyết cha mẹ có các bọt kết lại, giống như cháo nhừ.

3. Bảy ngày bế-hộ: Hán dịch là kết thủ, là tinh huyết kết lại như thịt nát, nếu là người nam thì nằm bên trái mẹ, trên rộng dưới hẹp, mặt hướng về người mẹ. Nếu là người nữ thì nằm bên phải mẹ, trên hẹp

dưới rộng, mặt hướng về người cha.

4. Bảy ngày kiên-nam: Hán dịch là Kiên nhục (thịt cứng), là kết thành khối thịt tròn.

5. Bảy ngày Bát-la-xa-khư: Hán dịch là chi phần, là chỉ có hình người, mà chưa có mắt tai, mũi, lưỡi.

Cho đến tháng thứ sáu thì từ rốn mẹ có gió thổi vào thịt ấy, cho đến mắt, tai, mũi, lưỡi, tay chân, tất cả phần thân nằm dưới sinh tạng và nằm trên thực tạng. Khi người mẹ chịu đói, khát, nóng, lạnh thì đứa bé cũng chịu như vậy, đến khi đủ ngày tháng thì trong tâm sinh nhàm chán, đầu quay xuống chỗ sinh, như hai ngọn núi ép hai bên thân, các thứ bất tịnh theo thân mà ra ngoài, hình hài mềm nhũn như vết ghe mới, không thể chạm vào, nếu tay chạm vào thì tưởng như dao bén cắt thịt, nên nói là khổ sinh. Nói về khổ chết, luận Du-già chép: Do mọi sự sợ hãi đều đến cùng một lúc, mãi xa lìa người thân yêu. Lại nói rằng: Khi thần chết đến, như kiếp tận thiêu đốt tất cả đều cháy hết, lại như sét Kim cương đánh các núi đều nát vụn, lại như gió lớn mạnh xô ngã thân cây.

Kinh Ngũ Vương chép: Nói khổ chết nghĩa là bốn đại chia lìa, sáu căn không làm chủ, thân thức lìa thân, gió như dao xẻ thân, mở mắt há miệng, mồ hôi chảy đầy, hai tay quờ quạng, tất cả sự sợ hãi đều đến, gió dừng thì tắt thở, lửa hết thì thân lạnh, phình trương lên rồi tan rã, các loài trùng sinh ra ăn cho đến hết, nên gọi là chết khổ.

Nay kinh Đà la ni này có công năng dứt trừ những khổ ấy, đây là thứ hai trừ sạch sinh tử.

3. “Lại có công năng dứt sạch các khổ của cõi súc sinh và địa ngục ở cõi vua Diêm-la, lại phá tất cả địa ngục hồi hướng cõi lành”: Lời thuật chép: Đây là ba phá khổ hồi hướng. Trong văn có bốn ý, một là phá khổ địa ngục, hai là phá khổ nạ quý, ba là phá khổ súc sinh, bốn là hồi hướng về đường lành.

a. Nói khổ địa ngục: Là các khổ ở dưới đất nên gọi là địa ngục. luận Câu-xá chép: Tám địa ngục lớn nằm ở dưới đất, ngục nhỏ thì chi mạch nằm ở nhân gian và núi, đầm, chỗ hoang vắng, hoặc ở giữa sông, biển, nơi chốn không nhất định.

b. Nói về nạ quý: Đường Lâm Minh Báo Ký chép: Nói về nạ quý thì Tạp Tâm chép: Thường chịu đói khát và các sự sợ hãi, do đời trước nặng về keo kiệt cho nên phải làm nạ quý. Luận Trí Độ chép: Có các nạ quý vì đói khát, miệng tuôn ra lửa dữ tự đốt thân, giống như cây khô dù cho tưới nước cả ngàn năm vẫn không xanh tươi trở lại.

Kinh Giải Thâm Mật chép: Có các nạ quý, vì đói khát nên đến

bên bờ biển, thấy nước biển thì nước biển liền cạn khô.

Kinh Thiện Sinh chép: Do không bố thí tiền của nên không có quả báo được của báu, do không thực hành pháp thí nên bị quả báo ngu si, do không thực hành bố thí vô úy nên bị quả báo sợ hãi.

Kinh Tát-già Ni-kiên Tử chép: Tiếc của không bố thí, cất giấu của cải sợ người biết, khi chết với hai tay không, bị quả báo ở trong loài ngựa quý chịu khổ đói khát. Lại nữa, luận Trương Phu chép: Người có tâm bủn xỉn nặng, thì dù là đất bùn nhưng coi trọng hơn vàng ngọc, người có tâm từ bi, thì dù là vàng ngọc cũng xem nhẹ như cây cỏ. Lại nói rằng: Người san tham thì đất vụn cũng còn tiếc, huống chi là tiền của. Kinh Úc-già Trưởng Giả chép: Bố thí có công năng trừ được ba độc tham sân si, lúc bố thí khiến bỏ được tham nên phá được nghiệp ngựa quý, thấy người đến xin tâm sinh từ bi, khiến bỏ được sân nên phá nghiệp xấu xa hèn mọn. Hồi hướng đạo Vô thượng khiến bỏ được si nên phá hết nghiệp súc sinh.

c. Súc sinh, còn gọi là bàng sinh, vì khi đi xương sống nằm ngang nên gọi là bàng sinh.

Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Có ba mươi bốn ức hình loại, mỗi hình loại đều khác nhau.

Kinh Lôu Thán chép: Bốn trụ xứ là từ giữa biển chảy ra.

d. Hồi hướng đường lành, là Đà-la-ni phá được ba đường ác và dứt trừ tám nạn. Đây đã xong phần phá khổ hồi hướng thứ ba.

4. “Phật bảo Thiên-đế: Gậy tạo tất cả tội ác địa ngục đều được tiêu diệt”.

Lời thuật chép: Là nghe chú diệt tội thứ tư. Biết rõ Đà-la-ni này vừa nghe qua tai, nếu có tất cả tội ác đáng đọa vào địa ngục đều được tiêu diệt, ấy là nói về thần lực không thể suy nghĩ bàn luận.

5. “Sẽ được thân thanh tịnh, hễ sinh vào chỗ nào đều nhớ nghĩ không quên, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, từ một cõi trời đến một cõi trời, trùm khắp ba mươi ba tầng trời Ba Mười Ba”.

Lời thuật chép: Thứ năm là nói lược về chỗ sinh tốt đẹp, trong vẫn có ba ý, một là được thân thanh tịnh, hai là sinh về các cõi Phật, ba là sinh lên tầng trời Đạo-lợi. Nhờ năng lực nghe Đà-la-ni này mà được chỗ thọ sinh tốt đẹp.

Luận Đại Trí Độ chép: Người cầu sinh lên cõi trời phải tu ba thứ phước, một là lễ bái, hai là nghe pháp, ba là cúng dường chúng tăng.

Lại nói rằng: Thực hành ba việc bố thí, giữ giới, nhẫn nhục, thì được sinh lên cõi trời. Nếu không thể tu ba việc lành, chỉ nghe Đà-la-ni

này, thì cũng được sinh lên cõi trời và các tịnh độ.

6. “Hễ sinh về chỗ nào cũng đều nhớ nghĩ không quên, Thiên-đế! như người sắp qua đời mà trong giây phút nhớ nghĩ Đà-la-ni này cũng được tăng thêm tuổi thọ”. Lời thuật chép: Thứ sáu là nhớ nghĩ tăng thêm tuổi thọ.

7. “Được thân, miệng, ý thanh tịnh, thân không đau khổ, làm việc gì cũng được phước lợi, ở chỗ nào cũng được an ổn”. Lời thuật chép: Thứ bảy là ba nghiệp thanh tịnh, nếu người nhớ nghĩ Đà-la-ni này thì hiện tại có tội gây ra mười điều ác đều được tiêu diệt, cho nên ba nghiệp thanh tịnh.

8. “Tất cả Như-lai đều quán sát”: Lời thuật rằng: Thứ tám là Như-lai quán sát, nếu người nhớ nghĩ Đà-la-ni này thì thường được tất cả Như-lai quán sát.

9. “Tất cả thiên thần đều hộ vệ”. Lời thuật rằng: Thứ chín là thiên thần che chở, nếu người nhớ nghĩ Đà-la-ni này thì thường được tất cả các vị trời thiên thần theo che chở.

10. “Được mọi người cung kính” Lời thuật rằng: Thứ mười là được mọi người cung kính, nếu người nhớ nghĩ Đà-la-ni này thì thường được mọi người cung kính.

11. “Ác chướng tiêu trừ”: Lời thuật rằng: Thứ mười một là chướng ác tiêu trừ, nếu người nhớ nghĩ Đà-la-ni này, nếu hiện đời có các nghiệp ác, báo chướng đều được tiêu trừ.

12. “Tất cả Bồ-tát đồng tâm che chở”. Lời thuật rằng: Thứ mười hai Bồ-tát che chở, nếu người nhớ nghĩ Đà-la-ni này thì được tất cả Bồ-tát đồng tâm che chở.

13. “Phật bảo Thiên-đế! nếu có người đọc tụng Đà-la-ni này trong giây lát, người này hiện đời có tất cả khổ đáng đọa vào địa ngục, ngã quỷ, súc sinh thì đều được tiêu diệt không còn sót”. Lời thuật chép: Thứ mười ba là đọc tụng dứt khổ. Trong văn có ba: Phá địa ngục, phá ngã quỷ và phá súc sinh.

a) *Phá địa ngục*: Luận Đại Trí Độ chép: So với luận Câu-xá thì hơi khác, có tám địa ngục lớn.

1. Đẳng hoạt.
2. Hắc thăng.
3. Chúng hợp.
4. Kiểu hoán.
5. Đại Kiểu oán.
6. Viêm nhiệt.

7. Đại Viêm nhiệt.

8. A-tỳ.

Hỏi: Vì sao gọi là địa ngục Đẳng Hoạt?

Đáp: Và người tội trong địa ngục đều đấu tranh nhau, hại nhau, giết nhau, đâm nhau bằng xoa sắt, đánh nhau bằng gậy sắt, giết hại lẫn nhau, ngày đêm không ngớt. Người tội chết rồi, lính ngục nói sống thì liền sống lại theo tiếng nói, rồi lại giết hại nhau trải qua vô lượng kiếp, nên gọi là địa ngục Đẳng Hoạt.

Hỏi: Vì sao gọi là địa ngục Hắc Thăng?

Đáp: Là lính ngục la-sát thường buộc thân người tội dùng dây sắt nóng đen, sau đó cưa hoặc bằng búa chặt, vuông thì làm cho tròn, tròn thì làm cho vuông, trải qua vô lượng kiếp, vì buộc bằng dây đen nên gọi là địa ngục Hắc Thăng.

Hỏi: Vì sao gọi là địa ngục Chúng Hợp?

Đáp: Ngục tốt thân hình như la-sát, hoặc đầu trâu, ngựa, cạp sói, sư tử, hoặc là thân nai, hươu, lợn, dê, đến bắt người tội mà ăn. Người tội sợ hãi chạy vào núi, ở giữa núi có vòng sắt lớn bay đến người tội, các núi cùng khép lại, mỡ máu chảy ra dữ dội như ép dầu, ép nho, đầu chất như núi, nên gọi là địa ngục Chúng Hợp.

Hỏi: Vì sao gọi là địa ngục Kiểu Hoán?

Đáp: Ngục tốt la-sát đầu vàng như nghệ, mắt đỏ như lửa, tay buông tên độc, miệng nói lời ác, trên hư không tên bay xuống như mưa, người tội hoảng sợ. Chạy khắp Đông Tây, sắt nóng rớt trên đầu thì máu huyết ngưng chảy, muốn chạy ra thì cửa đóng lại, cất tiếng kêu gào, nên gọi là địa ngục Kiểu Hoán.

Hỏi: Vì sao gọi là địa ngục Đại Kiểu Hoán?

Đáp: Trong ngục có hai cái nồi lớn, một nồi là Nan-đà, nồi kia tên là Bạt-nan-đà, để nấu người tội, người tội bị bỏ vào trong nồi nấu như nấu đậu, chi tiết đều rục rã, trải qua vô lượng kiếp, sau đó bị bỏ xuống sông tro, dưới sông chứa đầy than đỏ, rồi lại bỏ lên giường lửa bắt ngồi, tất cả lỗ chân lông đều tuôn ra lửa dữ, cất tiếng kêu gào dữ dội, nên gọi là địa ngục Đại Khiếu Oán.

Hỏi: Vì sao gọi là địa ngục Viêm Nhiệt?

Đáp: Vì trong ấy đầy lửa dữ, lửa trên suốt dưới, lửa dưới cháy lên trên.

Hỏi: Vì sao gọi là địa ngục A-tỳ?

Đáp: Vì lửa từ vách bên Đông cháy sang bên Tây, Nam, Bắc, trên dưới đều đầy lửa, tất cả khổ đều có đủ trong ấy, lông tóc người tội đều

tuôn ra lửa dữ.

Tám địa ngục lớn trên đây, mỗi ngục lại có mười sáu địa ngục quyến thuộc, đó là tám địa ngục lạnh và tám địa ngục nóng.

Tám địa ngục lạnh là:

1. Địa ngục A-phù-đà.
2. Địa ngục Ni-la-phù-đà.
3. Địa ngục A-la-la.
4. Địa ngục A-ba-ba.
5. A-tra-tra.
6. Địa ngục Âu-ba-la.
7. Địa ngục Bà-đầu-ma.
8. Địa ngục Ma-ha-ba-đầu-ma.

Tám địa ngục nóng là:

1. Địa ngục Hầm lửa.
2. Địa ngục Phần sôi.
3. Địa ngục Rừng thiêu.
4. Địa ngục Rừng kiếm.
5. Địa ngục Đường dao.
6. Địa ngục Rừng gai.
7. Địa ngục Sông mận.
8. Địa ngục Que đồng.

Thế nào là địa ngục A-phù-đà? Đời Đường dịch là Đa thiếu hữu khổng, nghĩa là trong ấy đầy nước, lại có gió độc lạnh, gió thổi vào người tội thì da thịt xương cốt đều rã rời, nếu người lột y phục chúng sinh, làm cho bị lạnh lẽo thì ở trong địa ngục chịu quả báo này. Thế nào là địa ngục Ni-la-phù-đà? Đời Đường dịch là Vô khổng, do băng kết thành, trước kia gây ra nghiệp ác nên đọa vào trong ấy. Thế nào là địa ngục A-la-la, A-ba-ba, A-tra-tra, ba địa ngục này người tội đều bị cấm khẩu và lạnh gấp bội các địa ngục trước.

Thế nào là địa ngục Âu-ba-la? Đời Đường dịch là Thanh Liên Hoa ngục (ngục hoa sen xanh), do băng kết thành, màu sắc như hoa sen xanh.

Thế nào là địa ngục Bà-đầu-ma? Đời Đường dịch là Hồng liên hoa ngục (ngục hoa sen hồng), trong ngục này rất lạnh, người tội thân bị cắt ra từng mảnh, nên gọi là ngục hoa sen hồng.

Thế nào gọi là địa ngục Ma-ha-bà-đầu-ma? Đời Đường dịch là Đại hồng liên hoa (hoa sen hồng lớn), các sự khổ gấp bội hơn những ngục trước. Trên đây là tám địa ngục lạnh.

Thế nào là địa ngục Hầm Lửa? Nghĩa là trong ấy lửa than cháy đổ ngập đến đầu gối, nếu người phá giới thì đọa vào ngục này.

Thế nào gọi là địa ngục Phần Sôi ? Trong ngục này chứa đầy phần sôi, sâu rộng như sông lớn, nếu người phá trai ăn đêm thì đọa vào ngục này.

Thế nào là địa ngục Rừng Thiêu? Tất cả cỏ cây đất đai trong ngục này đều nổi lên lửa dữ, nếu có chúng sinh thiêu đốt núi rừng thì đọa vào địa ngục này.

Thế nào là địa ngục Rừng Kiếm? Trong ngục này có rất nhiều cây, lá đều là những thanh kiếm, gió thổi lá rơi đều thành vòng kiếm rớt trên đầu người tội, chi tiết đều tan rã, người ưa cãi nhau và sát sinh thì đọa vào địa ngục này.

Thế nào là địa ngục Đường Dao? Trong ngục toàn là đao lớn làm đường đi, người tội vào đây thì chi tiết đều tan rã, người nào dùng dao sát sinh thì đọa vào địa ngục này.

Thế nào là địa ngục Rừng Gai? Trong ngục này có cây bằng sắt, cao một do-tuần, có mũi nhọn bằng sắt, trên cây có rắn độc hóa thành gai đẹp kêu réo người tội, người tội trên thì bị mũi nhọn đâm vào thân, dưới thì bị rắn độc quấn vào bụng, chịu khổ não dữ dội, nếu người nặng về tham dục thì đọa vào địa ngục này.

Thế nào là địa ngục Sông Mặn? Trong ngục này có con sông chứa đầy nước mặn giống như nước tro, người tội xuống sông thì chi tiết đều nát rã, ở bốn phía bờ có các ngục tốt, thân như thanh kiếm sắt cháy đỏ, đứng ngăn cửa người tội không cho lên bờ. Nếu người hay lột da giết hại chúng sinh thì khi chết đọa vào địa ngục này.

Thế nào là địa ngục Que Đồng? Trong địa ngục này có nhiều que đồng buộc thân các người tội, ngục tốt la sát dùng kim cạy miệng người tội, rồi rót nước đồng sôi vào miệng và bắt ăn các hòn sắt nóng, ăn vào rồi ngũ tạng đều cháy tan, chi tiết phát ra lửa, nếu người ăn trộm thức ăn, lạm dụng của tín thí, khi chết bị đọa vào địa ngục này.

Trên đây là tám địa ngục nóng.

b) *Nói súc sinh*: theo luận Trí Độ thì gồm có ba chỗ, hợp thành chín loại, dưới nước có ba là loài không chân, hai chân và nhiều chân, trên đất và trên không cũng vậy, cộng lại thành chín loại.

c) *Nói Diêm-ma-lộ-ca*: Luận Du-già nói: Phía dưới châu Thiệm-bộ ở phía Nam năm trăm do-tuần có cõi nước do vua Diêm-la làm chủ, đời Đường dịch là Tĩnh. Tức tất cả người tội và ngạ quỷ đều do vị vua này cai trị.

Hỏi: Ngạ quỷ có mấy loại?

Đáp: Có hai loại là thai sinh và hóa sinh, hóa sinh thì như đã biết. Thế nào là thai sinh: Đáp: Như trong kinh có nói: Ngạ quỷ cái thưa rằng: Một đêm con sinh năm đứa con, hễ sinh ra bao nhiêu thì đều ăn hết mà vẫn chưa đủ no.

Trên đây là nói đọc tụng dứt khổ thứ mười ba.

14. “Cõi nước các Đức Phật, cung điện các vị trời và nơi mà tất cả Bồ-tát đang ở đều không chướng ngại, tùy ý mà vào”. Lời thuật chép: Là đạo chơi cảnh tốt đẹp thứ mười bốn.

3. “Bấy giờ, Đế-thích bạch Phật rằng: Thế Tôn cúi mong Như-lai nói pháp tăng tuổi thọ cho chúng sinh nghe “. Lời thuật chép: Đây là tiết văn lớn nói về Thiên-đế lại thưa hỏi Phật thứ ba.

